



DƯƠNG THỊ HƯƠNG (Chủ biên)
VŨ HUY KIỂM
NGUYỄN THU PHƯƠNG

35 đề Ôn luyện **TIẾNG VIỆT 4**

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Phần một: 18 ĐỀ ÔN LUYỆN

ĐỀ 1

Đọc

TÌNH Ý VÀ LƠ MƠ

Ở bản Mây Bay có hai cậu bé ngang tuổi nhau, có hai cái tên ngộ ngộ là Tình Ý và Lơ Mơ. Nhà hai đứa cách nhau không xa nhưng có một con suối Ngàn Xa ngăn cách. Hai đứa thân nhau, tuy nhiên, đúng như tên của mỗi đứa, cá tính lại gần như trái ngược. Tình Ý hay nói, thích lí sự, hay bắt bẻ và hiếu thắng. Lơ Mơ thì ít nói, trầm tĩnh, rụt rè nhưng đôi khi có ý kiến khiến Tình Ý phải ngỡ ngàng. Chẳng hạn, Tình Ý bảo: "Nếu không có con suối thì sang nhà nhau thuận tiện lắm.". Lơ Mơ lại nói: "Có suối ngăn cách, khó đi, nhớ nhau nhiều hơn. Vượt khó sang nhau chơi mới là bạn tốt.". Tình Ý đành im lặng.

Hơn thế, có chuyện này khiến Tình Ý lại bất ngờ thêm. Lần ấy, Lơ Mơ thăm Tình Ý. Ngẫu nhiên, Lơ Mơ được bạn mời ăn ổi, na và mấy loại quả khác có sẵn trong vườn nhà. Hai đứa đang ăn ngon miệng thì Tình Ý kêu lên:

– Cái hạt to quả!

– Như cái nhân bánh ổi thôi. Chỉ khác là nhân bánh ăn được ngay, còn cái hạt thì... sau này mới được ăn. – Lơ Mơ đáp lại. Tình Ý trố mắt, tỏ ra không hiểu bạn nói gì. Lơ Mơ giảng giải:

- Ở giữa cái bánh có cái nhân. Ở giữa quả cũng có nhân chứ sao nữa. Tại sao lại ghét nó bỏ nó? Nó được sinh ra để làm giống mà. Nhân của bánh ăn xong là hết. Nhân của quả, để lại gieo trồng, ta lại tiếp tục được ăn.

Tình Ý gật gù cái đầu. Đoạn, cậu ta cười cười, cái cười rất Tình Ý, rồi nói như ra lệnh:

– Bạn ạ, từ nay hai đứa mình đổi tên cho nhau đi, kéo tôi ngưng lắm. Tôi: Lơ Mơ!
Bạn: Tình Ý!

(Theo Phạm Đình Ân)

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Sự khác biệt rõ nhất giữa hai bạn Tình Ý và Lơ Mơ là gì?

- A. Hai tên gọi khác nhau
- B. Hai cá tính trái ngược nhau
- C. Hai nhà ở hai bản xa nhau
- D. Hai tuổi chênh nhau

2. Điền đúng hoặc sai (nếu sai thì sửa lại cho đúng):

- a. Tình Ý cho rằng suối ngăn cách, khó đi, nhớ nhau nhiều hơn, vượt khó sang nhau chơi mới là bạn tốt.
- b. Lơ Mơ nghĩ con suối khiến cho việc sang nhà bạn không thuận tiện.

3. Theo Lơ Mơ, vì sao cái “hạt thì sau này mới được ăn”?

- A. Hạt sinh ra để làm giống gieo trồng.
- B. Hạt là nhân của quả, làm giống gieo trồng, lại tiếp tục được ăn.

- C. Hạt là nhân của quả, để lâu mới ăn được.
 D. Hạt để sau này trở thành quả mới được ăn.
 4. Theo em, bạn Lơ Mơ có "lơ mơ" không?
 5. Vì sao Tinh Ý đề nghị đổi tên cho Lơ Mơ
 6. Nếu đổi tên cho Lơ Mơ, em sẽ chọn tên nào dưới đây?

- A. Thông Thái
 B. Thâm Thuý
 C. Dí Dóm
 D. Sâu Sắc

7. Tìm trong mỗi đoạn văn ở dưới các danh từ theo từng nhóm:

a. Một buổi chiều, trời đầy dông bão. Chim sâu bị gió thổi bật vào một khung cửa sổ và rơi xuống nền nhà. Một cậu bé chạy tới nâng chim sâu lên và đặt nó trong một chiếc hộp cứng. Sáng hôm sau, trời quang mây tạnh, cậu bé đến mở nắp hộp, nhẹ nhàng nâng chim sâu trên tay.

(Nguyễn Đình Quảng)

b. Giữa trưa, nắng như đổ lửa, cá chuối mẹ càng bơi lên gần mặt ao càng thấy nước nóng. Đáng lẽ chuối mẹ có thể lặn xuống đáy ao cho mát, nhưng nghĩ đến đàn con đang đói, nó lại cố bơi.

(Xuân Quỳnh)

Danh từ chỉ người	Danh từ chỉ vật	Danh từ chỉ thời gian	Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên

8. Đặt 1 câu có sử dụng Tinh Ý là danh từ chỉ tên riêng của người và tinh ý là từ chỉ đặc điểm của người.

9. Tìm câu chủ đề trong đoạn văn sau:

Hơn thế, có chuyện này khiến Tinh Ý lại bất ngờ thêm. Lần ấy, Lơ Mơ thăm Tinh Ý. Ngẫu nhiên, Lơ Mơ được bạn mời ăn ổi, na và mấy loại quả khác có sẵn trong vườn nhà. Hai đứa đang ăn ngon miệng thì Tinh Ý kêu lên:

– Cái hạt to quá!

– Như cái nhân bánh ổi thôi. Chỉ khác là nhân bánh ăn được ngay, còn cái hạt thì... sau này mới được ăn. - Lơ Mơ đáp lại. Tinh Ý trố mắt, tỏ ra không hiểu bạn nói gì. Lơ Mơ giảng giải:

– Ở giữa cái bánh có cái nhân. Ở giữa quả cũng có nhân chứ sao nữa. Tại sao lại ghét nó bỏ nó? Nó được sinh ra để làm giống mà. Nhân của bánh ăn xong là hết. Nhân của quả, để lại gieo trồng, ta lại tiếp tục được ăn.

10. Viết một câu chủ đề phù hợp đặt ở cuối đoạn văn trên.

11. Em thích nhân vật nào trong câu chuyện Tinh Ý và Lơ Mơ? Vì sao? Viết đoạn văn nêu ý kiến của em.

ĐỀ 2
Đọc
THANH KIẾM VÀ BÔNG HỒNG

Một thanh kiếm và bông hồng xinh đẹp tranh cãi với nhau. Thanh kiếm cao giọng:

– Hãy nhìn tôi đi, tôi khoẻ hơn cậu. Chắc chắn tôi sẽ giúp ích được cho con người hơn cậu rồi! Cậu biết không, con người cần tôi để chiến đấu với kẻ thù. Họ không thể sống thiếu tôi. Còn cậu, trông cậu mảnh khảnh và yếu ớt thế kia thì làm sao mà chống chọi với thiên tai, giặc giã được.

Bông hồng cũng không chịu thua, cất giọng kiêu hãnh:

- Không hiểu vì sao cậu lại chê tôi như vậy. Hãy nhìn lại mình đi. Trông cậu cứng quèo và góm chết. Cậu làm sao có được hương thơm và vẻ đẹp lộng lẫy như tôi. Tôi còn có gai nhọn để chiến đấu với kẻ nào muốn làm hại tôi đấy. Cậu đang ghen tị với tôi chẳng?

Thanh kiếm lắc đầu nói:

– Hoa hồng ơi, cậu lầm rồi. Sao tôi phải ghen tị với cậu cơ chứ. Hương thơm và vẻ đẹp lộng lẫy ư? Đúng là cậu rất đẹp và thơm, nhưng để làm gì khi mà con người chẳng dùng nó để ăn được. Còn những cái gai bé xíu kia được gọi là vũ khí sao?

Khi đó, một nhà thông thái đi tới. Thấy bông hồng và thanh kiếm tranh cãi gay gắt thì dừng lại hỏi thăm. Nghe xong, ông ôn tồn nói:

– Con người luôn cần cả kiếm và hoa hồng. Kiếm giúp cho con người chống lại kẻ thù, tránh được các hiểm hoạ để giữ gìn cuộc sống bình yên. Còn hoa hồng thì tô điểm cho cuộc sống của con người thêm tươi đẹp, đem lại hương thơm, sự ngọt ngào, niềm vui sướng, sự lãng mạn cho cuộc sống và trái tim của họ.

Thanh kiếm và bông hồng hiểu ra. Chúng cảm ơn nhà thông thái, bắt tay nhau và cùng sống vui vẻ.

(Truyện cổ tích Ả Rập)

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Thanh kiếm nói gì về bản thân?

- A. Khỏe, có thể chống chọi được với thiên tai, giặc giã
- B. Mảnh khảnh và yếu ớt
- C. Có hương thơm và vẻ đẹp lộng lẫy
- D. Có nhiều kẻ thù

2. Thanh kiếm nhận xét như thế nào về bông hồng?

- A. Giúp ích cho con người
- B. Có vũ khí để tự bảo vệ được mình
- C. Có hương thơm và vẻ đẹp lộng lẫy
- D. Mảnh khảnh và yếu ớt

3. Bông hồng nói gì về thanh kiếm?

- A. Cứng quèo và góm chết

- B. Khỏe, có thể chống chọi được với thiên tai, giặc giã
- C. Mạnh khảnh và yếu ớt
- D. Giúp con người giữ gìn cuộc sống bình yên
4. Nghe câu chuyện của thanh kiếm và bông hồng, nhà thông thái nói gì?
- a. Về thanh kiếm b. Về bông hồng
5. Em có đồng ý với ý kiến của nhà thông thái không? Vì sao?
6. Theo em, câu chuyện Thanh kiếm và bông hồng muốn nói với chúng ta điều gì?
- A. Cần sống thân thiện với mọi người, mọi vật.
- B. Mỗi người, mỗi vật đều có vẻ đẹp và ích lợi riêng, cần tôn trọng
- C. Mọi bất đồng đều có thể được hoà giải.
- D. Mọi người, mọi vật đều phải biết bảo vệ mình.
7. Tìm trong mỗi đoạn văn ở dưới các danh từ theo từng nhóm:
- a. Ở bản Mây Bay có hai cậu bé ngang tuổi nhau, có hai cái tên ngộ ngộ là Tinh Ý và Lơ Mơ. Nhà hai đứa cách nhau không xa nhưng có một con suối Ngàn Xa ngăn cách.
(Phạm Đình Ân)
- b. Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen, quê nội ở thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông nay là Hà Nội, nhưng sinh ra và lớn lên ở quê ngoại, làng Nghĩa Đô, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội ngày nay) trong một gia đình thợ thủ công.

Danh từ chung	Danh từ riêng

Đề 3

Đọc

GHEN-CA VÀ CÁC BẠN

Ghen-ca là học trò xuất sắc nhất lớp. Trong giờ học, thầy cô đặt bất cứ câu hỏi nào, cậu cũng lập tức giơ tay và trả lời rất đúng. Cậu làm tất cả các bài tập nhanh chóng và luôn được điểm cao nhất lớp.

Nhưng bạn bè thì không ai thích Ghen-ca vì cậu luôn tỏ ra mình là người thông minh nhất, chẳng ai bì kịp. Mỗi khi trả lời câu hỏi của thầy cô, Ghen-ca nhìn cả lớp như muốn nói: "Hừ, các cậu làm sao mà trả lời được như tớ cơ chứ!".

Năm học kết thúc. Cả lớp háo hức chuẩn bị cho chuyến đi chơi trong rừng, Các em rất vui vì không chỉ được đi dạo trong rừng mà còn được ngủ đêm ở đây nữa. Bọn trẻ tính toán rồi quyết định: Mỗi người cần mang theo một bình đựng nước uống, một cái bát và cứ hai người sẽ mang chung một cái chăn. Các em tự nhập thành cặp rất nhanh chóng nhưng không ai muốn mang chăn chung với Ghen-ca.

Chỉ còn Pê-tơ-rích là chưa kịp thành cặp với ai. Vì Pê-tơ-rích không muốn mang chăn chung với Ghen-ca nên cậu bé tủi thân, oà khóc.

Thế là Ghen-ca cũng bùng bật khóc nức nở. Cậu lại gần thầy giáo và hỏi:

– Thưa thầy, em chưa bao giờ làm điều gì xấu, sao các bạn lại không muốn chơi với em?

Thầy giáo nhẹ nhàng nói

- Em cần khiêm tốn và học cách cảm thông với người khác. Hãy vui mừng khi thấy bạn khác thông minh và buồn khi thấy có bạn học chưa giỏi.

– Em cảm ơn thầy. Nhưng em có nên tham gia chuyến đi rừng này không?

– Có chứ! Em hãy mang một cái chăn cho mình. Em hãy học quan tâm và yêu thương bạn bè; vui với niềm vui và buồn với nỗi buồn của các bạn. Điều đó sẽ đưa em đến với trái tim bạn bè.

(Theo Những mẩu chuyện ứng xử sư phạm)

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Những chi tiết nào cho biết Ghen-ca là học sinh xuất sắc nhất lớp?

- A. Luôn trả lời rất đúng bất cứ câu hỏi nào của cô.
- B. Nhanh chóng làm tất cả các bài tập và luôn đạt điểm cao nhất lớp.
- C. Lập tức giơ tay khi thầy cô đặt câu hỏi.
- D. Hai ý A và B.

2. Vì sao mà bạn bè trong lớp không thích Ghen-ca?

- A. Vì không ai theo kịp được Ghen-ca.
- B. Vì Ghen-ca luôn tỏ ra là mình thông minh nhất.
- C. Vì Ghen-ca luôn được điểm cao nhất lớp.
- D. Vì Ghen-ca làm tất cả các bài tập nhanh chóng.

3. Khi cả lớp chuẩn bị cho chuyến đi chơi, chuyện gì làm cho cả Ghen-ca và Pê-tơ-rích đều khóc?

- A. Không ai muốn ghép đôi và mang chung chăn với Ghen-ca.
- B. Pê-tơ-rích không muốn ghép đôi với Ghen-ca.
- C. Không có ai ghép đôi và mang chung chăn với Pê-tơ-rích.
- D. Hai ý A và B.

4. Theo em, câu hỏi của Ghen-ca: "Em chưa bao giờ làm điều gì xấu, sao các bạn lại không muốn chơi với em" cho thấy điều gì?

- A. Ghen-ca nhận ra rằng các bạn đều không muốn chơi với mình.
- B. Ghen-ca biết rõ rằng mình không hề làm điều gì xấu.
- C. Ghen-ca thấy rằng bạn nào cũng muốn ghép đôi với mình.
- D. Ghen-ca cảm nhận được mình thật tệ.

5. Thầy giáo đã khuyên Ghen-ca những gì?

- A. Cần khiêm tốn và học chia sẻ đồ dùng với bạn.
- B. Cần khiêm tốn và học cảm thông, chia sẻ với người khác.
- C. Cần khiêm tốn và học cảm thông với các bạn học chưa giỏi.
- D. Cần khiêm tốn học hỏi những bạn thông minh.

6. Theo em, sau lời khuyên của thầy giáo, Ghen-ca sẽ làm gì? Vì sao?

7. Tìm trong mỗi đoạn dưới đây các danh từ theo từng nhóm:

Danh từ riêng chỉ người	Danh từ chung chỉ người	Danh từ riêng chỉ địa danh	Danh từ chỉ sự vật	Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên

a. Hà Nội có Hồ Gươm

Nước xanh như pha mực

Bên hồ ngọn Tháp Bút

Viết thơ lên trời cao.

(Trần Đăng Khoa)

b. Thuở ấy làng Phù Đổng

Có một chuyện kì khôi

Cậu bé tên là Gióng

Ba tuổi, chưa nói cười.

(Nguyễn Lãm Thắng)

c. Cháu đi tắm biển Sầm Sơn

Cười trên sóng bạc, sóng vờn mây trôi

Nhớ bà tóc trắng, bà ơi

Những trưa cắt ra giữa trời nắng chang.

(Lê Huy Hoà)

d. Khi nhiệt độ xuống thấp, nước có thể biến thành băng cứng. Khi đun nước thì nước sôi có thể biến thành hơi nước rồi phát tán vào không gian. Ngoài ra nước cũng biến thành tuyết, sương mù, mây, sương giá.

(Theo Sách khoa học dành cho thiếu niên nhi đồng: Tại sao? Những bí ẩn trong đời sống)

8. Với mỗi nhóm danh từ tìm được ở bài tập 7, chọn 1 từ rồi đặt câu với từ đó.

9. Dựa vào bài đọc Ghen-ca và các bạn, viết báo cáo thảo luận kế hoạch tổ chức đi dã ngoại của lớp em.

(Gợi ý: các nội dung cần thảo luận và thống nhất: thời gian; địa điểm dã ngoại; thành phần tham gia; chuẩn bị về phương tiện, hậu cần,..)

Đề 4

Đọc

CHUYỆN XÓM VƯỜN

Sống chung với bác gà trống trong xóm Vườn này còn có ả vịt lấm điều, chàng chó vện khó tính, mụ heo lười nhác và thầy đồ các đạo mạo vẫn thường nhận mình là nhà thơ...

Bác gà trống sáng nào cũng phải dậy từ tinh mơ, vượn cổ gáy mấy hồi thật trang trọng để chào đón ông mặt trời. Bắt đầu một ngày mới vui vẻ, hân hoan như thế, ai mà chẳng thích? Ấy thế mà vẫn có những kẻ tìm cách nói xấu công việc đẹp đẽ của bác gà trống. Chúng bảo: “Không có bác thì mặt trời vẫn cứ mọc!”.

- Tất nhiên là mặt trời vẫn cứ mọc. – Bác gà trống buồn bã nói. – Xưa nay, chưa bao giờ tôi tự huênh hoang về công việc của mình. Chỉ có điều các bạn chưa bao giờ tôi tự huênh hoang về công việc của mình. Chỉ có điều các bạn hiểu về tôi như thế thì nản quá!

Và sáng hôm sau, bác không gáy nữa.

Mặt trời vẫn mọc nhưng xóm Vườn buồn thiu. Liền như thế trong ba hôm. Dân xóm Vườn không chịu nổi không khí uể oải, tẻ nhạt, liền họp nhau lại, phân công nhau làm thay công việc của bác gà trống.

Sáng hôm sau, ông mặt trời giật mình thức dậy trong tiếng chó vện sủa nhặng xị. Các sáng hôm sau nữa là tiếng eng éc của mụ heo, tiếng quàng quạc chua ngoa của cô ả vịt, tiếng kêu kèn kẹt của thầy đồ cóc.

Thật chẳng ra làm sao! Dân xóm Vườn xấu hổ quá, đành họp nhau lại, xin lỗi bác gà trống và tha thiết mời bác ra làm việc.

Tiếng kèn oai vệ của bác gà trống lại cất lên mỗi buổi bình minh, chào đón ánh sáng và hơi ấm của ông mặt trời đem tới cho xóm Vườn.

(Theo Trần Đức Tiến)

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Nêu đặc điểm của từng thành viên trong xóm Vườn.
2. Vì sao đột nhiên, bác gà trống không gáy nữa?
 - A. Vì bác làm việc nhiều quá, muốn nghỉ
 - B. Vì có những kẻ trong xóm Vườn nói xấu, bác rất nản.
 - C. Vì họ phủ nhận tiếng gáy của bác.
 - D. Hai ý B và C.
3. Khi bác gà trống không gáy nữa, chuyện gì đã xảy ra?
 - A. Mặt trời vẫn mọc, nhưng xóm Vườn buồn thiu.
 - B. Dân xóm Vườn không chịu nổi không khí uể oải, tẻ nhạt, nặng nề.
 - C. Dân xóm Vườn phân công nhau làm thay công việc của bác gà trống.
 - D. Tất cả các ý trên.
4. Thay cho tiếng gáy của bác gà trống là những gì?
 - A. Tiếng chim hót líu lo.
 - B. Tiếng kêu eng éc của mụ heo, tiếng kèn kẹt của thầy đồ cóc.

- C. Tiếng quàng quạc chua ngoa của ả vịt, tiếng sữa nhặng xì của chó vện.
D. Hai ý B và C.
5. Cuối cùng, dân xóm Vườn đã làm gì?
A. Khôi phục lại nề nếp tự nhiên của xóm Vườn.
B. Xin lỗi bác gà trống và mời bác tiếp tục công việc "chào buổi sáng" theo nếp cũ.
C. Phản đối tình trạng hỗn loạn sau khi bác gà trống nghỉ gáy.
D. Cả ba ý trên.
6. Theo em, câu chuyện Chuyện xóm Vườn khuyên ta điều gì?
7. Xếp các từ được gạch dưới vào nhóm phù hợp.

Bình minh đến chậm nhưng tươi tỉnh sau giấc ngủ ngon. Ban đầu là chớp núi Tả Ngào ba ngọn ửng vàng. Mây hình cánh chim bay giạt hai bên. Tia mặt trời hóm hình hếch lên rồi chúc xuống, lia những rẻ quạt sáng xuyên qua rừng thông xanh. Nắng lung linh, mịn màng chảy từ đỉnh núi xuống, nhuộm vạt cỏ gianh, ngòi xanh sườn đồi. Nắng vượt qua làng Dao, tràn xuống làng Giáy. Suối Lùng Thàng sáng trắng, nhìn tựa một vệt thủy ngân.

(Theo Ma Văn Kháng)

Danh từ riêng	Danh từ chỉ sự vật	Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên

8. Tìm danh từ riêng trong các đoạn dưới đây xếp vào từng nhóm:
- a. Hàng chục năm sau, cậu bé không biết bơi được cứu sống ngày nào đã trở thành Thủ tướng Uyn-xton Súc-sin tài giỏi – niềm tự hào của nước Anh. Còn cậu bé nghèo được nhà quý tộc giúp tiền ăn học đã trở thành một bác sĩ lừng danh. Năm 1945, ông được trao giải Nô-ben y học cùng hai nhà khoa học Mỹ vì đã tìm ra thuốc kháng sinh pê-ni-xi-lin cứu sống hàng trăm triệu người. Tên ông là A-lếch-xan-đơ Flem-minh.

(Theo Mai Văn Khôi)

- b. Mẹ em mua quả địa cầu
Năm châu bốn biển tự đâu dồn về. [..]
Biển Đông xanh biếc bao la
Những dòng sông nhỏ như là chỉ thôi
Hoàng Sa đảo nhỏ đây rồi
Cà Mau rừng đước, hoa hòe Lạng Sơn.

(Lê Huy Hoà)

Tên người	Tên địa danh

9. Nêu quy tắc viết hoa danh từ riêng và cho ví dụ cụ thể.
- a. Khi viết tên người, tên địa lí Việt Nam.
b. Khi viết tên người, tên địa lí nước ngoài.
c. Khi viết tên riêng nước ngoài được phiên âm theo âm Hán Việt.
10. Chọn 1 trong 2 đề sau:

- a. Thuật lại câu chuyện Chuyện xóm Vườn bằng lời văn của em.
b. Từ câu chuyện Chuyện xóm Vườn, viết báo cáo thảo luận về kế hoạch khôi phục lại nề nếp thường ngày của xóm Vườn.

CHIM KHUYÊN NON MUỐN BAY

Những ngày nằm chờ cho lông cánh, lông đuôi mọc đủ, hai chú chim khuyên khao khát được bay để ngắm vòm trời xanh ngắt, ngắm thảm cỏ mịn màng, nhìn ra nơi mịt mù xa xa kia biết bao nhiêu là thứ lạ lùng. Chim anh nở trước, được mẹ dìu rời tổ trước. Khi về nghe chim anh kể, chim em cứ rộn cả lên:

- Mẹ ơi! Mai mẹ cho con đi với nhé!

- Con chưa đủ sức bay đâu. Đợi một hai hôm nữa.

Chim em cho rằng mẹ cưng anh hơn. Đợi lúc mẹ và anh bay đi rồi, chim em gắng dùng đôi cánh còn run run bám vào miệng tổ, kiễng chân lấy đà nhướn ra ngoài. Vì chưa học cách rời tổ, chim em bị ngã. May sao, dưới gốc cây có lớp làm rêu, chim em không bị thương nhưng cũng hết cả hồn vía.

Chim em đứng lên rũ cánh, định bay trở về tổ. Nhưng buồn quá, chú ta chỉ bồng mình lên khỏi mặt đất được một đoạn ngắn thì lại rơi bịch xuống đất. Cứ thế, chim em vừa rên rỉ vừa nhảy chuyền quanh gốc cây, không bay về tổ được. Chim em sợ quá vội chui vào một lùm cây gần đấy chờ mẹ về. Chờ mãi, chờ mãi, chim em ngủ thiếp đi lúc nào không biết nữa.

Bỗng có tiếng gọi, chim em mở choàng mắt, thì ra là mẹ. Chim em vừa khóc vừa kể cho mẹ nghe. Chim mẹ phải những hạt đất cát, vụn lá bám trên mình chim em và dặn:

- Con đừng dại dột như thế nữa nhé!

Chim em ngoan ngoãn rúc vào cánh mẹ thay cho lời vâng ạ. Chim anh cũng ôm lấy em rồi cùng mẹ dìu em lên tổ.

(Theo Phong Thu)

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Những ngày nằm chờ đủ lông đủ cánh, hai chú chim khuyên non khao khát điều gì?

- A. Được mẹ cưng hơn.
- B. Được xuống mặt đất.
- C. Được thấy mẹ bay đi mỗi sáng.
- D. Được bay đi khám phá những điều mới lạ.

2. Vì sao chim anh được mẹ dìu rời khỏi tổ trước?

3. Chuyện gì đã xảy ra với chim em khi nó tự ý rời tổ?

- A. Chim em bị ngã.
- B. Chim em bị thương.
- C. Chim em bị mẹ quở trách.
- D. Chim em bị rơi xuống vực

4. Khi đó chim em đã làm gì? (chọn các ý đúng)

- A. Đứng lên rũ cánh, bay về tổ.

- B. Bốc mình lên khỏi mặt đất được một đoạn ngắn.
C. Nhảy chuyền quanh gốc cây.
D. Chui vào một lùm cây gần đấy chờ mẹ rồi ngủ thiếp đi

5. Lúc gặp lại mẹ, chim em làm gì?

- A. Mở choàng mắt ra gọi mẹ.
B. Vừa khóc vừa kể cho mẹ nghe, ngoan ngoãn rúc vào cánh mẹ.
C. Ôm lấy mẹ, kể cho mẹ nghe.
D. Phủi những hạt đất cát, vụn lá bám trên mình.

6. Theo em, câu chuyện có ngụ ý gì?

- A. Mỗi trải nghiệm là một bài học bổ ích.
B. Không nghe lời cha mẹ là dại dột.
C. Tình cảm gia đình là điểm tựa cho mỗi thành viên.

Ý kiến của em:.....

7. Tìm các động từ trong đoạn văn dưới đây:

Một hôm, các con thú sống ở trong rừng sâu nhìn thấy một đồ vật hình dáng rất lạ. Chó hỏi các bạn: “Đó các cậu biết đây là cái gì?”. Sói thì nói đấy là một cái tổ chim. Cáo thì bảo đó là vật dùng để múc nước. Còn gấu thì cho rằng vật này có rẽ nên nó là một loại cây. Sau khi nghe các bạn tranh cãi một hồi, chó mới lên tiếng: “Tôi đã từng sống với con người. Tôi biết đây là chiếc giày mà con người thường xỏ vào chân của họ.”.

Đến lúc này, các con vật mới hiểu: Thế giới xung quanh còn rất nhiều điều mới mẻ mà chúng vẫn chưa biết.

(Theo La Phong-ten)

8. Tìm động từ thay cho () để hoàn chỉnh đoạn văn:

(lặn, đuối, nằm, đổ, bơi)

Giữa trưa, nắng như () lửa, cá chuối mẹ càng () lên gần mặt ao càng thấy nước nóng. Đáng lẽ chuối mẹ có thể () xuống đáy ao cho mát, nhưng nghĩ đến đàn con đang (), nó lại cố bơi. Bơi sát mép nước, chuối mẹ rạch lên chân khóm tre. Tìm một chỗ đoán chắc là có tổ kiến gần đó, chuối mẹ giả vờ chết, () im không động đậy.

(Theo Xuân Quỳnh)

9. Đặt câu nói về chim khuyên non trong bài đọc:

- a. Một câu có dùng động từ chỉ hoạt động
b. Một câu có dùng động từ chỉ trạng thái

10 Lập dàn ý cho bài văn sau:

Thuật lại việc chim khuyên em tự ý rời khỏi tổ khi chim mẹ đi vắng bằng lời văn của em.

ĐỀ 6

Đọc

ĐÔI BẠN

Thế là niềm ao ước của Sơn là được đi trên con đường xuống huyện đã thành sự thật. Thầy Văn đã thực hiện lời hứa chở em đi trên con đường đó bằng xe máy.

Năm kia, ngay từ những ngày đầu về dạy học ở bản, thầy đã gặp Sơn. Thương Sơn yếu, hoàn cảnh khó khăn, thầy đã ngày ngày đưa em đến trường. Dù có xe đạp, thầy vẫn đi bộ và công em, vì quãng đường đến lớp của Sơn không dùng xe được. Nay thầy đã có xe máy. Chiếc xe máy cũ thầy mua ở chợ huyện chở hai người đi trên con đường rải nhựa mịn màng. Từ lâu, Sơn đã trông thấy con đường vắt qua sườn núi bên kia. Có lần ra suối cùng mẹ, Sơn lại thấy hình như con đường ấy vừa khuất lại hiện ra rồi vòng sang hướng khác.

“Để xem sáng nay mình đi với thầy Văn xem con đường ấy thế nào”. Thầy chạy xe chậm chậm để Sơn được nhìn ngắm xung quanh. Thầy vừa đi vừa giải thích vắn tắt, dễ hiểu về con đường và luật giao thông. Đường rộng gấp mấy lần đường trong bản mà lại phẳng phiu, phía nào có vực thẳm thì phía đó có chôn cắm cột và thanh chắn ngang. Đoạn gần thị trấn có vạch sơn trắng ở giữa nhằm hướng dẫn xe cộ luôn đi bên phải. Những chỗ vòng khuất lại có biển báo nguy hiểm.

Có cảnh này Sơn thấy rất thích thú. Đường lượn vòng qua hết núi này đến núi kia, thế mà bên dưới lòng thung, con suối cứ đi theo. Suối đi theo bên cạnh con đường, thoát ẩn, thoát hiện, chợt cao, chợt thấp. Nếu có đoạn trèo lên cao quả thì suối vẫn róc rách, ào ào bên dưới. Và khi xuống đến thị trấn thì con suối lại hiền lành chảy sát bên đường. Đường hạ thấp xuống để đi đôi cùng suối.

A, đúng rồi! Đường và suối cũng như Sơn và thầy Văn vậy.

(Theo Phạm Đình Ân)

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Sơn có ao ước gì?

- A. Được đi trên con đường xuống huyện.
- B. Được thầy Văn ngày ngày đưa em đến trường.
- C. Được học thầy giáo Văn.
- D. Được thầy Văn chở bằng xe máy.

2. Những ngày đầu về bản dạy học, thầy Văn đã làm gì để giúp đỡ Sơn?

- A. Ngày ngày công Sơn đến trường.
- B. Chở Sơn xuống huyện.
- C. Dạy chữ cho Sơn.
- D. Hai ý B và C.

3. Sau này, khi được ngồi sau xe thầy, Sơn thấy con đường xuống huyện như thế nào? (chọn các ý đúng)

- A. Con đường vắt qua sườn núi bên kia
- B. Đường rộng gấp mấy lần đường trong bản mà lại phẳng phiu.
- C. Giống với con đường Sơn ra suối cùng mẹ.
- D. Con đường rải nhựa mịn màng.

4. Trên đường xuống huyện, thầy Văn nói những gì?
- A. Giải thích vắn tắt về con đường và những con suối.
 - B. Giải thích vì sao quãng đường đến lớp của Sơn không dùng xe được.
 - C. Giải thích về đường trong bản và luật đi đường trong bản.
 - D. Giải thích về con đường và luật giao thông.
5. Trên đường xuống huyện, cảnh gì khiến Sơn thích thú?
- A. Đường lượn vòng suối cũng lượn vòng.
 - B. Đường đi đâu suối đi đó như đôi bạn.
 - C. Đường trên cao, suối dưới thấp.
 - D. Suối cắt ngang đường.
6. Theo em, đôi bạn trong câu chuyện này là ai?
- A. Thầy Văn và Sơn
 - B. Đường và suối
 - C. Thầy Văn và chiếc xe máy cũ
 - D. Hai ý A và B
7. Tìm động từ trong hai đoạn văn sau:
- a. Những ngày nằm chờ cho lông cánh, lông đuôi mọc đủ, hai chú chim khuyen khao khát được bay để ngắm vòm trời xanh ngắt, ngắm thảm cỏ mịn màng, nhìn ra nơi mịt mù xa xa kia biết bao nhiêu là thú lạ lùng. Chim anh nở trước, được mẹ dìu rời tổ trước. Khi về nghe chim anh kể, chim em cứ rộn cả lên.
- (Phong Thu)
- b. Chim em đứng lên rũ cánh, định bay trở về tổ. Nhưng buồn quá, chú ta chỉ bốc mình lên khỏi mặt đất được một đoạn ngắn thì lại rơi bịch xuống đất. Cứ thế, chim em vừa rên rỉ vừa nhảy chuyền quanh gốc cây, không bay về tổ được. Chim em sợ quá vội chui vào một lùm cây gần đây chờ mẹ về. Chờ mãi, chờ mãi, chim em ngủ thiếp đi lúc nào không biết nữa.
- (Phong Thu)
8. Theo em, từ nào có thể thay thế cho mỗi từ in đậm dưới đây:
- a. Thầy **chạy**¹ xe chậm chậm cho em học sinh ngoan mà thầy **yêu quý**² được **nhìn ngắm**³ xung quanh hai bên đường. Thầy vừa đi vừa **giải thích**⁴ vắn tắt, dễ hiểu về con đường và luật giao thông.
- b. Chuột ta **gặm**¹ vách nhà. Một cái khe hở hiện ra. Chuột **chui**² qua khe và **tìm**³ được rất nhiều thức ăn. Là một con chuột tham lam nên chuột **ăn**⁴ nhiều quá, nhiều đến mức bụng chuột **phình**⁵ to ra. Đến sáng, chuột tìm đường trở **về**⁶ ổ, nhưng bụng to quá, chuột không sao **lách**⁷ qua khe hở được.
- (Truyện dân gian)
9. Đặt câu có dùng từ chỉ hoạt động, trạng thái để nói về bạn Sơn trong câu chuyện Đôi bạn.
10. Viết đoạn văn thuật lại hành trình xuống huyện của hai thầy trò Sơn trong câu chuyện Đôi bạn.

Đề 7

Độc

BÉ NA

Nhiều buổi sáng sớm, tôi đều thấy một cậu bé khoảng 9 – 10 tuổi đội chiếc mũ đỏ đã bạc màu, khoác cái bao trên vai đi thẳng đến sọt rác để trước nhà bé Na. Cậu ngồi xuống và nhặt các thứ đổ trên sọt rác vào bao.

Nhà bé Na sao có nhiều vỏ lon bia thế nhỉ? Tôi tự hỏi như vậy.

Tình cờ vào một buổi tối, tôi thấy bé Na xách một túi ni lông ra đặt trên sọt rác rồi đi vào nhà. Tò mò, tôi lại xem. Trong túi ni lông là chiếc Đệ nhựa hồng, mấy mảnh nhôm, nhựa, mấy vỏ chai và vài thứ lặt vặt khác. Sau đó tôi còn thấy nhiều lần bé Na làm như vậy vào buổi tối.

Sao thế nhỉ? Sao cô bé này lại không bán những thứ nhặt được hay đổi kem như bao đứa trẻ khác vẫn làm?

Một lần bé sang nhà tôi chơi, tôi thân mật hỏi bé:

- Cháu muốn làm cô tiên giúp cậu bé nhặt nhôm nhựa đấy hả? Bé tròn xoe mắt ngạc nhiên nhìn tôi:

- Sao bác biết ạ?

- Bác biết hết. Này nhé, hằng đêm, có một cô tiên đẹp như bé Na mang những thứ nhặt nhanh được đổ trên sọt rác để sáng sớm hôm sau có một cậu bé lại nhặt mang đi, có đúng không nào?

Bé cười bẽn lễn và nói:

- Bạn ấy mò côi mẹ đấy ạ.

Bé chạy đi còn ngoái đầu lại nói với tôi:

- Bác không được nói cho ai biết đấy nhé!

Từ hôm đó, tôi cũng gom những thứ nhặt nhanh được bỏ vào một túi ni lông và ban đêm đem đặt lên sọt rác trước nhà.

(Theo Lê Thị Lai)

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Cậu bé đội mũ đỏ thường làm gì vào các buổi sáng?

- A. Nhặt các thứ trên sọt rác, bỏ vào bao.
- B. Bỏ các thứ trong bao vào sọt rác.
- C. Mang bao rác đến bỏ trước cửa nhà bé Na.
- D. Đến gặp bác lớn tuổi.

2. Việc làm của bé Na khiến nhân vật “tôi” thấy kì lạ?

- A. Bé Na mang vỏ lon bia và mấy thứ lặt vặt đi bán.
- B. Bé Na xách một túi ni lông ra, đặt trên sọt rác trước nhà.
- C. Bé Na mang vỏ lon bia và mấy thứ lặt vặt đi đổi kem.
- D. Hai ý B và C.

3. Khi được hỏi về việc làm của mình, bé Na giải thích thế nào?

A. Cháu muốn làm cô tiên giúp cậu bé nhặt nhơm nhựa.

B. Cháu không biết bạn ấy.

C. Cháu biết bạn ấy mồ côi mẹ.

D. Cháu không muốn ai biết việc này.

Hai câu cuối văn bản cho em biết điều gì?

A. Việc làm của bé Na có tác động tích cực đến người khác.

B. Nhiều bác lớn tuổi không hài lòng với việc bé Na làm.

C. Nhiều người cũng để sọt rác ở trước nhà.

D. Nhiều người muốn bỏ rác vào ban đêm.

5. Theo em việc phân loại rác từ gia đình có ích lợi gì? Vì sao?

6. Tìm động từ chỉ tình cảm, cảm xúc trong mỗi đoạn dưới đây:

a. Có đám mây mùa hạ

Hay khóc nhè làm sao

Đang ở tuốt trên cao

Mặt mày tươi hơn hờ

Bỗng dỗi hờn mẹ gió

Cái mặt buồn thiu thiu

Cái mặt đen ỉu xiu

Vội vàng bay xuống thấp.

(Nguyễn Lâm Thắng)

b. Hai hôm trước Tết, cây sỏ được mắc trên cành những sợi dây có treo từng chùm quả đủ màu sắc. Những quả ấy ban ngày chỉ lấp ló, nhưng đêm tối thì sáng rực lên, biến thành những bông hoa phát sáng. Nó ngõ ngàng và reo lên:

– Ban ơi, tớ cũng có hoa rồi nhé.

Cây ban hớn hờ:

– Chúc mừng cậu!

(Cây ban và cây sỏ)

c. Bé Minh ngã sóng soài

Đứng dậy nhìn sau trước

Có ai mà hay biết

Nên bé nào thấy đau!

Tôi mẹ về xuýt xoa

Bé oà lên nức nở

Vết ngã giờ sực nhớ

Mẹ thương thì mới đau

(Theo Vũ Duy Chu)

7. Tìm động từ có thể thay thế cho mỗi từ in đậm dưới đây:

Mùa hè, mặt trời **rắc** xuống muôn nơi những tia nắng vàng rực rỡ.

Tia nắng nhỏ cùng các bạn **chạy nhảy** khắp nơi. Nắng **tràn** vào vườn hoa, muôn hoa **bùng nổ**. Nắng **ùa** vào vườn cây, vườn cây **ngập** nắng, những trái cây được nắng **ủ** chín vàng. Nắng **nhảy** trên cánh đồng, **nhuộm** vàng những bông lúa nặng trĩu hạt. Nắng **bay** xiên qua cửa sổ vào nhà, **trêu chọc** chú mèo mướp đang **ngủ vùi** bên giá sách.

(Theo Nguyễn Hải Vân)

8. Đặt câu có dùng động từ chỉ tình cảm, cảm xúc để nói về bé Na trong câu chuyện Bé Na.

9. Đóng vai bé Na kể lại câu chuyện Bé Na và đặt một tên khác cho câu chuyện.

Đề 8

Đọc

CHUỒN CHUỒN ỚT

Chú bọ ăn mày quanh năm chỉ sống dưới đáy ao. Khi nghe tin sốt dẻo nói về thế giới trên mặt nước nào trời, nào mây, lại có cả những cơn gió, chú đầy tò mò, hào hứng muốn khám phá những điều mới lạ. Mặc kệ người chê chú dờ dơi đi tin những điều nhảm nhí, người thì nói chú sẽ làm mồi cho lũ cá, bạn bè thì ngăn cản không muốn chú gặp nguy hiểm, nhưng chú không sợ. Chú từ biệt những người bạn ra đi. Trải qua cuộc hành trình dài, bằng sự thông minh, gan dạ của bản thân và nhờ sự giúp đỡ của người bạn của con, chú đã thoát khỏi sự truy đuổi của cá chép, cá trê. Cuối cùng, chú đã leo lên khỏi mặt nước.

Đứng trên đến đỉnh cọc tre, bọ ăn mày sung sướng nhìn ngắm bầu trời rộng mênh mông. Lạ hơn nữa, bộ áo giáp thân đốt mà chú mang theo trên mình từ thuở lọt lòng nhẹ dần rời vỡ ra. Từ trong hình hài một con bọ ăn mày xấu xí bỗng hiện lên một thân hình hoàn toàn khác, màu đỏ tươi với đôi cánh mỏng tang. Một cơn gió thoảng qua và có tiếng reo vang lên:

– A, chuồn chuồn ớt!

- Ai nói đây?

Bọ ăn mày ngạc nhiên cất tiếng hỏi. Một cơn gió ào đến trả lời:

– Ta là gió đây, ta đang nói đây.

– Chị có nhầm không? Em là bọ ăn mày chứ!

– Trước đây em là bọ ăn mày sống dưới nước, giờ lột xác thành chuồn chuồn. Em có cánh, hãy vẫy cánh và bay lên theo chị nào.

Chuồn chuồn ớt từ từ vẫy nhẹ, rồi vẫy mạnh cánh một chút, thân mình theo gió bay lên. Nó sung sướng reo lên:

– Em biết bay rồi, bọ ăn mày biết bay rồi!

– Bây giờ em không còn là bọ ăn mày nữa mà là chuồn chuồn ớt.

(Nguyễn Hồng Chiến)

Bọ ăn mày (còn có tên là con côm nguội hoặc con máy mạy): ấu trùng chuồn chuồn, sống trong nước, khi trưởng thành thì sống trên cạn.

Trả lời câu hỏi và làm bài tập:

1. Bọ ăn mày phản ứng như thế nào khi được nghe kể về thế giới trên mặt nước?

A. Tò mò, quyết định đi khám phá thế giới mới.

B. Lo sợ về sự nguy hiểm của thế giới xa lạ.

C. Chê người kể chuyện dờ dơi, nhảm nhí.

D. Khuyên các bạn của mình đừng thử khám phá.

2. Bọ ăn mày bị con vật nào truy đuổi trên đường đi?

A. Cua con

C. Chuồn chuồn ớt

B. Cá chép, cá trê

D. Chì gió

3. Nối các ý ở cột A với mỗi ý ở cột B cho phù hợp.

A
(a) Nhận ra tên thật của mình
(b) Có thể bay lượn trên bầu trời
(c) Nghe những lời chỉ trích, chê bai của mọi người
(d) Có diện mạo mới với đôi cánh đẹp đẽ
(e) Bị truy đuổi trên đường đi
(g) Được nhìn ngắm cảnh vật và bầu trời trên mặt nước

B
(1) Những khó khăn bộ ăn mỳ phải vượt qua để thực hiện cuộc hành trình
(2) Những thành quả bộ ăn mỳ có được sau cuộc hành trình

4. Một bạn nhỏ nói rằng bộ ăn mỳ cần cảm ơn cua con và chì gió. Em có đồng ý không? Vì sao?

5. Mỗi hình ảnh sau là chuồn chuồn ốt hay bộ ăn mỳ? Dựa vào nội dung bài đọc, viết 1 – 2 câu miêu tả mỗi con vật.



a. Đây là hình ảnh của...

Nó có...



b. Đây là hình ảnh của...

Nó có...

6. Sắp xếp các từ sau theo trật tự trong từ điển:

thắng cảnh thênh thang thám hiểm thăm thú thung lũng

7. Một bạn đang tra từ điển và đọc lướt đến từ “hàng ngũ”. Bạn nhỏ đó cần đọc lướt lên trên hay xuống dưới nếu muốn tra nghĩa các từ dưới đây?

	Đọc lướt lên trên	Đọc lướt xuống dưới
M: hàng động	x	

a. hăng hái		
b. hăm hở		
c. han gủ		

8. Em hãy chọn một trong những câu mở đầu dưới đây và viết tiếp để hoàn thiện đoạn văn kể lại cuộc phiêu lưu của chú bộ ăn mày trong bài đọc trên.

- a. Ai cũng có ước mơ khám phá những điều kì diệu trong cuộc sống và bộ ăn mày trong truyện "Chuồn chuồn ớt" cũng như vậy.
- b. Tôi rất muốn kể cho các bạn nghe truyện về cuộc phiêu lưu, khám phá thế giới và tìm ra giá trị bản thân của chú bộ ăn mày trong câu chuyện “Chuồn chuồn ớt”.

Đề 9

Đọc

MỐI QUAN HỆ CỦA CÁC LOÀI VẬT TRONG TỰ NHIÊN

(1) “Cặp bạn thân” linh dương và khỉ đầu chó

Chúng đều là con mồi của những thợ đi săn cừ khôi trên đồng cỏ. Linh dương dùng đôi tai dài của mình để nghe ngóng, còn khỉ đầu chó có thể quan sát kỹ lưỡng mọi thứ xung quanh. Chúng thường kiếm ăn ở gần nhau để cảnh báo cho nhau về những mối nguy hiểm đang đến gần. Chúng giao tiếp với nhau bằng âm thanh, mùi hương hoặc cử chỉ và biểu cảm khuôn mặt (chỉ ở khỉ đầu chó).

(2) Sự hợp tác ăn ý giữa lửng mật và chim săn mật ong

Chim săn mật ong có nhiệm vụ quan sát, tìm tổ ong và dẫn đường. Chúng thường rít lên những tiếng chói tai và ra hiệu bằng đuôi cho lửng mật đi theo. Khi đến nơi, lửng mật vì có lớp da dày cứng cáp như tấm áo giáp, không sợ bị ong đốt nên sẽ đảm nhiệm phá tổ ong. Sau đó chúng sẽ cùng nhau thưởng thức bữa ăn.

(Theo Việt Trung)

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Vì sao linh dương và khỉ đầu chó ở gần nhau?

- A. Vì chúng chia sẻ thức ăn cho nhau.
- B. Vì chúng cảnh báo nguy hiểm cho nhau.
- C. Vì chúng vui khi giao tiếp với nhau.
- D. Vì chúng cùng kiếm một loại thức ăn.

2. Giác quan nào của linh dương hiệu quả nhất trong việc phát hiện nguy hiểm?

- A. Thính giác
- B. Thị giác
- C. Khứu giác
- D. Vị giác

3 Chim săn mật ong dẫn đường cho lửng mật bằng những cách nào?

- A. Tạo ra mùi hương và tiếng rít.
- B. Tạo ra tiếng rít, ra hiệu bằng đuôi.
- C. Biểu cảm khuôn mặt, ra hiệu bằng đuôi.
- D. Tạo ra mùi hương, ra hiệu bằng đuôi.

4. Theo tác giả, vì sao lửng mật làm nhiệm vụ phá tổ ong?

5. Theo em, ý nghĩa của bài đọc trên là gì?

- A. Các loài vật trong tự nhiên đang gặp nguy hiểm.
- B. Các loài vật trong tự nhiên đang giao tranh khốc liệt.
- C. Các loài vật trong tự nhiên biết hợp lực với nhau.
- D. Các loài vật trong tự nhiên đang gặp khó khăn trong kiếm ăn.

6. Sắp xếp các từ được gạch dưới trong đoạn truyện dưới đây vào nhóm thích hợp.

Mạc Đĩnh Chi là người huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Sau khi thi đỗ, ông làm quan trải qua bốn triều vua: Trần Anh Tông, Trần Minh Tông, Trần Hiến Tông, Trần Du Tông. Ông được cử đi sứ hai lần sang Trung Quốc (thời nhà Nguyên). Lần đi sứ ở Yên Kinh, nhân lúc nhàn rỗi đi dạo phố, Mạc Đĩnh Chi thấy trước cửa nhà một người có treo biển tự xưng là trạng cờ. Ông bèn vào để thử tài cao thấp. Hai người chơi ván cờ suốt ba ngày mà vẫn chưa phân thắng bại. Bất ngờ, Mạc Đĩnh Chi đi nước cờ cao tay, khiến trạng cờ phải bái phục, liền gói bộ cờ quý và tấm bảng trạng cờ tặng cho Mạc Đĩnh Chi.

(Theo Vũ Ngọc Khánh)

Danh từ chung		Danh từ riêng	
Chỉ người	Chỉ sự vật	Tên người	Tên địa lí

7. Lựa chọn câu chủ đề phù hợp cho đoạn văn sau.

Đọc hai bên đường là những cây cảnh, hoa Tết, các chậu sứ trồng cây và các món đồ trang trí đủ màu sắc được bày bán phong phú. Khắp phố phường là đèn xe, đèn đường và những chậu cây xanh đỏ, những món đồ đủ màu sắc tươi vui. Tiếng còi xe, tiếng hỏi giá, tiếng chào mời hoà vào nhau rộn ràng.

- Giáp Tết, phố phường vẫn như thường ngày.
- Cảnh đường phố những ngày giáp Tết thật tươi vui, rộn rã.
- Những ngày giáp Tết, phố phường như vắng lặng hơn.

8. Viết bài văn thuật lại một công việc mà em và người thân hoặc bạn bè đã hỗ trợ nhau cùng hoàn thành.

G:

- Em chọn thuật lại công việc gì? Công việc đó diễn ra khi nào, ở đâu?
- Em đã thực hiện công việc đó cùng những ai?
- Mỗi người cùng hỗ trợ nhau thực hiện công việc như thế nào?
- Cảm xúc của mọi người như thế nào khi công việc được hoàn thành?

Đề 10

Đọc

PHÁT MINH SÁNG TẠO

(1) Công nghệ na-nô giúp làm sạch nước

Phát minh của Nguyễn Thành Đông và Hoàng Diệu Hưng giúp loại bỏ thạch tín trong những nguồn nước tại khu vực bị ô nhiễm tại Cộng hoà Séc. Vì thế, sáng chế này đã được Cộng hòa Séc và các nước châu Âu khác đánh giá rất cao.

(2) Tế bào gốc từ màng cuống rốn

Tiến sĩ Phạm Toàn Thắng là người sản xuất thành công tế bào gốc từ màng cuống rốn. Phát minh này giúp chữa lành các vết thương về da Đề bỏng, tiểu đường, loét Đề phóng xạ, và chăm sóc sắc đẹp. Hiện nay, công nghệ này được áp dụng ở nhiều nơi trên thế giới.

(3) Bộ tiết kiệm xăng cho xe máy

Phát minh này của Đặng Hoàng Sơn đã giúp giảm được 20 – 30% lượng xăng tiêu thụ của xe máy. Ngoài ra, nó còn giúp tăng công suất của động cơ và tuổi thọ của xe máy.

(4) Chế tạo tàu ngầm

Ông Nguyễn Quốc Hoà đã chế tạo thành công một chiếc tàu ngầm cỡ nhỏ. Nó có chiều dài 880 cm, cao 300 cm, chiều rộng 280 cm. Tàu có thể lặn 15 giờ, tốc độ khoảng 40 km/h và có thể lặn sâu tới 500 cm.

(Theo Hoàng Quyên)

- Thạch tín: một chất độc có thể gây chết người.
- Tế bào gốc: tế bào còn ở dạng sơ khai, có khả năng sinh sản đường như vô tận và có khả năng biến đổi thành nhiều loại tế bào khác nhau để duy trì các cơ quan tổ chức của cơ thể.

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Công nghệ nano làm sạch nước là phát minh của ai?

- A. Nguyễn Thành Đông và Hoàng Diệu Hưng
- B. Nguyễn Thành Đông và Phạm Toàn Thắng
- C. Nguyễn Quốc Hoà và Hoàng Diệu Hưng
- D. Nguyễn Quốc Hoà và Phạm Toàn Thắng

2. Phát minh của Tiến sĩ Phạm Toàn Thắng có ích lợi gì?

- A. Giúp làm sạch nguồn nước bị ô nhiễm.
- B. Giúp điều trị một số tổn thương và chăm sóc sắc đẹp.
- C. Giúp tiết kiệm nhiên liệu cho xe máy.
- D. Giúp tàu thuyền lặn được dưới biển.

3. Bộ tiết kiệm nhiên liệu cho xe máy có những tác dụng gì?

- A. Tiết kiệm xăng, tăng công suất động cơ, tăng tốc độ xe.
- B. Tiết kiệm xăng, tăng công suất động cơ, tăng tuổi thọ xe.
- C. Tiết kiệm xăng, tăng tốc độ xe, tăng tuổi thọ xe.
- D. Tăng công suất động cơ, tăng tuổi thọ xe, tăng tốc độ xe.

4. Tàu ngầm Đề ông Nguyễn Quốc Hoà sáng chế có thể lặn sâu bao nhiêu?

- A. 300 cm
- B. 400 cm
- C. 500 cm
- D. 280 cm

5. Theo em, nội dung văn bản trên nói về điều gì?

- A. Người Việt Nam có nhiều phát minh nhất thế giới.
- B. Người Việt Nam có những phát minh có ý nghĩa.
- C. Những phát minh của Việt Nam không được biết đến.
- D. Những phát minh của Việt Nam chỉ có giá trị ở nước ngoài.

6. Đọc khổ thơ và thực hiện yêu cầu.

Buổi sáng Chủ nhật,

Chị chổi quét nhà,

Anh xèng nhảy ra

Sẵn sàng hót rác.

(Thuy Anh)

a. Khoanh tròn các từ dùng để gọi các sự vật như gọi người.

b. Gạch dưới từ ngữ dùng để tả sự vật như tả người.

7 Chọn từ ngữ trong ngoặc đơn để hoàn thành câu sử dụng biện pháp nhân hoá.

a. Những dòng kẻ (ngay ngắn/ xếp hàng) trên trang vở.

b. Những con sóng (xô/ đua nhau) vào bờ.

c. Những tia nắng (nhảy nhót/ lấp lánh) trên tán lá.

d. Những giọt sương (lay động/ bồn chồn) trên ngọn cỏ mỗi khi cơn gió nhẹ thổi qua.

e. Mặt trăng (nhẹ nhàng, dịu dàng) toả sáng xuống mảnh sân trước nhà.

8. Em hãy thực hiện các yêu cầu bên dưới để hoàn thành đoạn văn tưởng tượng dựa trên nội dung truyện Trước ngày xa quê (Bài 16, Tiếng Việt 4, tập một)

a. Viết tiếp câu nói của nhân vật "tôi" để xin bố cho ở lại quê học.

Bố quyết định cho tôi lên thành phố học. Nghe bố nói, tôi và khóc như khi bị đánh đòn oan. Tôi nài nỉ bố trong nước mắt:...

b. Viết lời hẹn sẽ trở về thăm thầy giáo và các bạn của nhân vật "tôi".

“Buổi chia tay kéo dài mãi đến khi trời tối mịt. Trước khi thầy giáo và các bạn đi về, tôi lấy hết can đảm nói:...

ĐỀ 11

Đọc

THUYẾT TINH – CẢM HỨNG SÁNG TẠO CỦA CON NGƯỜI

Từ xa xưa, người La Mã đã làm ra các vật dụng đơn giản bằng thủy tinh như li uống rượu, bình đựng thuốc, ô kính cửa sổ,...

Khoảng thế kỷ XII, tại đảo Mu-ra-nô, con người tạo ra tấm gương đầu tiên bằng cách phủ một lớp kim loại làm từ thủy ngân và thép lên mặt sau của tấm kính giúp hình ảnh phản chiếu chân thực.

Khoảng thế kỷ XIII, những người thợ thủy tinh ở Ý đã tạo ra thấu kính đầu tiên là những tấm thủy tinh có hình đĩa nhỏ, lõm ở trung tâm. Nhờ đó, cặp kính ra đời giúp con người đọc chữ rõ hơn.

Năm 1590, tại Hà Lan, hai cha con Han-xơ và Giây-xơ đã tạo ra kính hiển vi nhờ xếp hai thấu kính trước sau để phóng đại vật quan sát. Nhờ nó, con người phát hiện ra sự tồn tại của các tế bào.

Khoảng 20 năm sau đó, một nhóm thợ kính người Hà Lan, trong đó có Giây-xơ đã phát minh ra kính thiên văn. Tháng 1 năm 1610, Ga-li-lê (nhà khoa học người Ý) đã dùng kính thiên văn để quan sát các vệ tinh của Mộc tinh, khẳng định dấu chấm hết cho quan điểm mọi vật thể ngoài vũ trụ đều quay quanh Trái Đất.

(Theo Xti-vân Giôn-xơ)

- Thủy tinh lần đầu được làm ra bởi người dân ở đâu?
A. Ở nước Ý
B. Ở La Mã
C. Ở Hà Lan
D. Ở Mu-ra-nô
- Thợ thủ công ở Mu-ra-nô đã sáng tạo ra vật dụng gì từ thủy tinh?
A. Ly rượu
B. Ô cửa kính
C. Gương soi
D. Kính mắt
- Thấu kính được sáng tạo ở thế kỷ XIII có đặc điểm gì dưới đây?
A. Có hình đĩa nhỏ, lõm ở trung tâm.
B. Phủ một lớp kim loại từ thủy ngân và thép.
C. Được đặt theo vị trí trước sau.
D. Được dùng để làm kính hiển vi.
- Kính hiển vi giúp ích gì cho loài người?
A. Giúp đọc chữ rõ hơn.
B. Giúp phát hiện ra tế bào.
C. Giúp quan sát được bản thân.
D. Giúp quan sát các vì sao.
- Nhờ kính thiên văn, Ga-li-lê đã chứng minh được điều gì?
- Trong đoạn thơ sau, những sự vật nào được nhân hoá và nhân hoá bằng cách nào? Em hãy viết thông tin thích hợp vào bảng ở dưới.

Đầm sen bát ngát hồng tươi
 Có anh chim chích tìm mồi gần bờ
 Mặt trời lặn xuống bát ngò
 Cảnh sen khép lại chẳng chừa lối ra!
 Sáng ngày sen mở cửa ra
 Mừng rơn chim vội bay lên giữa trời!
 Thơm thơm từ mỏ đến đuôi
 Sau đêm ngủ trọ tuyệt vời giữa hoa...

(Nguyễn Hoàng Sơn)

Sự vật được nhân hóa	Cách nhân hoá	
	Gọi bằng từ ngữ gọi người	Tả bằng từ ngữ tả đặc điểm của người

7. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành các câu sử dụng biện pháp nhân hóa.

Nhìn hai bên ven sông thật tươi đẹp và đông vui. Những (anh/ con) gong vó đen sạm, gầy và cao, nghênh cặp chân gong vó đứng trên bãi lầy nhìn theo hai tôi. (Những chị/ Đàn) cua kênh cũng giương đôi mắt lồi, âu yếm ngó theo hai tôi với muôn vẻ quý mến. (Các bé/ Những đám) sắn sất và cá thầu dầu thoảng gặp đâu cũng lặn xúng cồ bơi theo bè hai tôi hoan nghênh vàng cả mặt nước.

(Theo Tô Hoài)

8. Đặt 1 – 2 câu miêu tả hoạt động của một loài vật có sử dụng biện pháp nhân hóa.

9. Viết tiếp sau câu chủ đề cho sẵn để hoàn thành đoạn văn tưởng tượng về kết thúc của truyện Con vẹt xanh (Tiếng Việt 4, tập một). Chú ý đảm bảo các yêu cầu:

- Có lời nói của nhân vật Tú
- Có câu miêu tả vẻ mặt, hành động của Tú và anh trai
- Có lời đáp lại của anh trai

Tú ân hận quá vì đã luôn cản nhắc mỗi khi anh gọi. Chợt trong nhà vang lên tiếng của anh trai: "Tú ơi...".

Đề 12

Độc

LUYỆN CHO TẦM TỰ DỆT CHÂN TƠ

Nuôi hàng vạn con tầm, luyện cho chúng nhả tơ và tự dệt chần, đó là bí quyết độc nhất trên thế giới của nghệ nhân Phan Thị Thuận.

Bà sinh ra và lớn lên trong một làng nghề trồng dâu nuôi tầm ở làng Phù Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Nhưng, làng nghề ngày càng gặp khó khăn Đề khó cạnh tranh với lụa tơ tầm Trung Quốc. Bà đã trăn trở tìm cách tạo ra sản phẩm tơ tầm thật đặc biệt giúp người dân trong làng sống được bằng nghề của mình.

Nhiều lần ngồi quan sát con tầm nhả tơ đan kén, ngoáy đầu ra sao, rút ruột thế nào, bà bỗng nảy ra ý định: rõ ràng, con tầm tự dệt cho mình một chiếc kén bền chặt không kĩ thuật dệt tay nào của con người có thể đạt được, tại sao mình không biến con tầm thành những công nhân tự dệt nên những tấm chần tơ?

Thế là, bà huấn luyện tầm thay đổi tập tính nhả tơ. Sau khi tính toán khoảng cách thích hợp, bà để cho hàng ngàn con tầm cùng nằm trên một mặt phẳng mà nhả tơ. Dần dần, các sợi tơ tự động quấn vào nhau, đan thành tấm thảm phẳng, mịn, gắn kết bền chắc tự nhiên. Chỉ cần thêm một vài thao tác khâu, may, người thợ sẽ biến nó thành một tấm chần siêu nhẹ, mềm mại và ấm áp. Vì vậy, chần tơ tầm tự dệt rất được ưa chuộng, luôn cháy hàng, kể cả vào những ngày hè oi bức.

Từ đó, bà Thuận không những có thêm thu nhập mà còn tạo công ăn việc làm cho người dân quanh vùng. Mỗi dịp hè, hàng trăm bạn nhỏ được bố mẹ gửi đến xưởng dệt của bà để tìm hiểu và yêu hơn nghề của cha ông.

(Theo Bảo Hân, báo VietNamnet)

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Bà Phan Thị Thuận có bí quyết gì?

- A. Làm chần từ tơ rối.
- B. Làm chần từ vải lụa tơ tầm.
- C. Làm chần từ thảm tơ do tầm dệt.
- D. Làm chần từ kén tầm.

2. Vì sao bà Thuận muốn tạo ra “loại sản phẩm tơ tầm đặc biệt”? (Khoanh vào chữ cái trước các ý đúng)

- A. Vì muốn tìm hướng đi mới cho làng nghề.
- B. Vì muốn cạnh tranh với tơ lụa Trung Quốc.
- C. Vì muốn bà con sống được bằng nghề dệt lụa.
- D. Vì muốn làm gương cho thế hệ sau.

3. Dòng nào nói về sáng kiến của bà Thuận?

- A. Quan sát tầm nhả tơ đan kén.
- B. Huấn luyện tầm thay đổi tập tính nhả tơ.

C. Nâng cao kỹ thuật dệt tay.

D. Đào tạo công nhân ương tơ.

4. Nêu các bước làm ra chăn tơ tằm tự dệt của bà Thuận.

5. Sáng kiến của bà Thuận được đánh giá cao thông qua những chi tiết nào? (Khoanh vào chữ cái trước các ý đúng)

A. Đó là bí quyết kì lạ nhất trên thế giới.

B. Thu nhập của bà và người dân tăng lên.

C. Nhiều trẻ em được gửi đến xưởng dệt của bà để tìm hiểu nghề.

D. Chăn tơ tằm tự dệt rất được ưa chuộng, luôn cháy hàng.

6. Tìm trong bài đọc Luyện cho tằm tự dệt chăn tơ các từ ngữ miêu tả đặc điểm của:

a. Tằm thảm tơ

b. Tằm chăn tơ tằm tự dệt

7. Tìm các tính từ trong đoạn văn dưới đây và xếp chúng vào nhóm thích hợp.

Đêm mùa thu dịu dàng quá. Lẫn trong gió se lạnh, thoang thoảng mùi dạ lan, mùi hoa sữa đầu mùa vừa hé nở, đột ngột có mùi hoa hoàng lan thơm rất dịu, rất ngọt và lắng sâu. Một làn gió thổi mạnh, đưa hương hoàng lan ủa vào đầy phòng. Thi ra, đằng cuối vườn, cây hoàng lan đã trổ lứa hoa đầu tiên. Cái giống cây thật lạ. Thân thì cứng rắn, vững chãi nhưng các cành lại mảnh dẻ, thướt tha như những cánh tay vũ nữ đang múa. Mỗi khi gió thổi, những cành lá lại nhún nhảy nhịp nhàng, đung đưa xào xạc.

(Theo Trần Hoài Dương)

- Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật

- Tính từ đặc điểm của hoạt động

8 Đặt câu có sử dụng 1 – 2 tính từ em tìm được ở bài tập 6

9. Thêm các tính từ để tạo câu văn sinh động

a. Trăng Rằm (1) trôi (2) trên nền trời (3).

b. Tiếng đọc bài (1) vang ra ngoài cửa lớp, khiến chú chim sâu đang nghiêng chiếc đầu (2) tìm sâu trong kẽ lá cũng hót (3).

c. Con gà trống bước từng bước (1), vỗ cánh (2) rồi gáy (3).

10 Viết bài hướng dẫn làm một đồ chơi từ chai nhựa.

G: Có thể viết bài theo một trong hai cách sau đây.

Cách 1: – Liệt kê các nguyên liệu cần chuẩn bị.

– Hướng dẫn cách làm đồ chơi từ chai nhựa tuần tự theo các bước.

Cách 2: Ngoài nội dung như cách 1, có thể thêm những lời chia sẻ với bạn đọc ở đầu bài viết về tác dụng của việc làm đồ chơi từ chai nhựa và ở cuối bài viết về cảm nhận của bản thân khi sản phẩm đã hoàn thành.

ĐỀ 13

Đọc

KINH NGHIỆM HUẤN LUYỆN NGỰA

Một người Ả-rập rất giỏi huấn luyện ngựa thành những con thiên lí mã, nên được tôn xưng là “mã thần”.

Mỗi buổi sáng, ông cho đàn ngựa chạy theo vòng tròn, trong đàn có cả những con ngựa to khoẻ và những con ngựa còn rất nhỏ. Trong khi đó, trợ thủ của ông vừa chỉ huy đàn ngựa vừa bám lấy yên ngựa, nhảy sang trái rồi nhảy sang phải như biểu diễn xiếc.

Đến trưa, lúc mặt trời gay gắt nhất, hai thầy trò "mã thần" cho đàn ngựa phi thẳng về phía sa mạc. Đến chiều, họ trở về với hai con dao cong trong tay, hết như đi đánh trận.

Có người hỏi:

- Tại sao ông lại cho cả đàn ngựa chạy vòng quanh vậy?

- Bởi vì tôi muốn dạy những con ngựa con biết đi sau những con ngựa lớn, học nghe khẩu lệnh và phục tùng. Không có ngựa lớn dẫn dắt thì rất khó dạy ngựa con. Nếu tôi là người thầy, thì ngựa lớn chính là phụ huynh. Tôi giáo dục ở trường, cha mẹ dẫn dắt ở nhà, bất kể mặt nào cũng không thể thiếu.

- Vậy trợ thủ của ông bám vào yên ngựa, nhảy qua nhảy lại để làm gì?

- Để dạy cho ngựa biết cách giữ thăng bằng.

Thấy người đó háo hức nghe, ông nói tiếp:

- Còn cưỡi ngựa lúc giữa trưa vào sa mạc nóng như thiêu như đốt là cách để dạy ngựa phi nhanh, chúng phải biết rằng nếu không chạy thật nhanh thì sẽ không thoát khỏi sa mạc. Con dao cong được dùng để kích thích mắt ngựa, đồng thời âm thanh loảng xoảng của các vòng kim loại gắn trên thân đạo cũng thử thách sự bình tĩnh của ngựa. Sau quá trình huấn luyện khắc nghiệt này, chúng tôi sẽ nhận ra con nào có khả năng trở thành thiên lí mã.

(Theo Điều bình dị thông thái)

Thiên lí mã: ngựa đi ngàn dặm đường (thiên: một nghìn, lí: dặm đường, mã: ngựa), ý chỉ ngựa khoẻ và chạy rất nhanh.

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Một con ngựa tốt được gọi là gì?

- A. Mã thần
- B. Thiên lí mã
- C. Bạch mã
- D. Chiến mã

2. Vì sao người Ả-rập trong bài được gọi là “mã thần”?

- A. Vì ông huấn luyện ngựa giỏi như thần.
- B. Vì ông chỉ huấn luyện ngựa thần.
- C. Vì ông luyện ngựa bằng phép thần.
- D. Vì ngựa của ông làm xiếc như thần.

3. Hằng ngày, “mã thần” người Ả-rập huấn luyện ngựa như thế nào?

- Buổi sáng
- Buổi trưa
- Buổi chiều

4. Người huấn luyện ngựa nhảy qua nhảy lại hai bên yên ngựa để làm gì?

- A. Để ngựa biết biểu diễn xiếc
- B. Để ngựa biết giữ thăng bằng.
- C. Để ngựa biết phục tùng.
- D. Để ngựa biết nghe hiệu lệnh.

5. Mã thần cưỡi ngựa vào sa mạc lúc giữa trưa để làm gì?

- A. Để luyện cho ngựa phi nhanh.
- B. Để luyện cho ngựa chịu nắng nóng.
- C. Để luyện cho ngựa chịu được cát bỏng.
- D. Để luyện cho ngựa chịu được cơn khát.

6. Em có nhận xét gì về kinh nghiệm huấn luyện ngựa của “mã thần”?

7. Tìm tính từ trong đoạn văn có nghĩa phù hợp với từng nhóm nghĩa dưới đây:

Còn cưỡi ngựa lúc giữa trưa vào sa mạc nóng như thiêu như đốt là cách để dạy ngựa phi nhanh, chúng phải biết rằng nếu không chạy thật nhanh thì sẽ không thoát khỏi sa mạc. Con dao cong được dùng để kích thích mắt ngựa, đồng thời âm thanh loảng xoảng của các vòng kim loại gắn trên thân dao cũng thử thách sự bình tĩnh của ngựa. Sau quá trình huấn luyện khắc nghiệt này, chúng tôi sẽ nhận ra con nào có khả năng trở thành thiên lí mã.

Đặc điểm của sa mạc	Tốc độ chạy của ngựa	Hình dáng con dao
---------------------	----------------------	-------------------

Âm thanh mà con dao tạo ra	Tính chất của quá trình huấn luyện ngựa
----------------------------	---

8. Đọc hai đoạn văn dưới đây của nhà văn Tô Hoài và thực hiện yêu cầu ở dưới.

(1) Trời đã bắt đầu mưa. Những hạt nước nặng rơi lộp độp trên mái nhà, trên là mướt, trên lá chuối. Nó kêu lũng tùng như người ta đánh trống. Mưa càng ngày càng mạnh, càng nhiều. Nó rào rào như có người đổ nước ở trên trời xuống.

(2) Sáng hôm sau, trời đổ mưa xuống đều đều nhưng không to lắm, vòm không mù trắng những nước. Và trời cứ mưa đều đều, lai rai, nhỏ nhỏ như thế, hết ngày ấy sang ngày khác.

- a. Tìm các tính từ miêu tả tiếng mưa trong đoạn 1
- b. Tìm các tính từ miêu tả đặc điểm cơn mưa trong đoạn 2
- c. Gọi tên cơn mưa được tả ở mỗi đoạn văn.

9. Đặt 2 câu nói về đặc điểm của một loài vật mà em yêu thích.

10. Viết đơn xin tham gia câu lạc bộ năng khiếu của trường.

G:

- Trình bày đơn đúng với quy định trong mục Ghi nhớ (trang 104, Tiếng Việt 4, tập một).
- Trong nội dung đơn cần nêu rõ sở thích và năng khiếu của mình là gì. (thể thao vẽ/ tiếng Anh/ múa/ hát,...)

ĐỀ 14

Đọc

LỰA CHỌN

Hai chàng trai Trung và Thành quyết định lên thành phố lập nghiệp. Ở bến xe, mọi người bàn tán: "Người ở thành phố A rất thực tế, hỏi đường cũng thu phí. Còn người ở thành phố B thì chất phác, thấy người thiếu ăn không những cho bánh mà còn tặng cả quần áo cũ". Nghe vậy, mỗi chàng trai chọn một thành phố để đến.

Trung đến thành phố B và rất hài lòng khi thấy cả tháng trời không phải làm gì mà vẫn không hề bị đói. Anh ta có thể uống nước tinh khiết ở các sảnh ngân hàng và ăn miễn phí các đồ điểm tâm chào hàng trong các khu thương mại lớn.

Thành đến thành phố A và thấy đây là nơi có thể phát tài nếu mình chịu khó. Sau một thời gian làm việc ở công trường xây dựng, anh gom đất, cát, lá cây mục đóng thành bao nhỏ bán cho những người yêu hoa mà không có đất trồng. Dần dà, anh có một cửa hàng nhỏ phục vụ người trồng hoa. Trong quá trình đi giao hàng, anh nhận thấy mặt tiền của một số cửa hàng cao tầng thì rất sáng đẹp, trong khi biển hiệu thì vừa bụi vừa cũ. Hỏi ra, được biết là các công ty vệ sinh chỉ phụ trách lau rửa mặt tầng lầu mà không lau rửa biển hiệu, anh lập tức mở một công ty chuyên lau rửa biển hiệu. Công ty của anh ngày càng khấm khá, phát triển quy mô sang cả thành phố B. Một lần, khi đi tàu sang thành phố B làm việc, có người đến xin anh vỏ lon bia, anh sững sờ nhận ra Trung.

Sau khi hàn huyên, Trung chợt hiểu: tuy mình và Thành có cùng ước mơ, nhưng mình thì chọn sự an nhàn, còn Thành thì chọn sự thách thức, vì vậy cuộc sống hai người mới khác xa nhau như thế.

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Khi ở bến xe, Trung và Thành quyết định điều gì?

- A. Chọn hai thành phố khác nhau để lập nghiệp.
- B. Cùng lên xe đến một thành phố để lập nghiệp.
- C. Cùng đến thành phố A sau đó sang thành phố B để lập nghiệp.
- D. Cùng nhau lập nghiệp ở cả hai thành phố.

2. Những lí Do nào khiến Trung thấy hài lòng khi đến thành phố B? (Khoanh vào chữ cái trước các ý đúng)

- A. Cả tháng không làm gì vẫn không bị đói.
- B. Được uống nước miễn phí ở các sảnh ngân hàng.
- C. Được ăn miễn phí ở các khu thương mại lớn.
- D. Được gặp những con người thực tế.

3 “Sự nghiệp” mà Trung đã đạt được là gì?

- A. Trở thành người lau rửa biển hiệu.
- B. Trở thành người ăn xin.
- C. Trở thành người nhặt rác.

D. Trở thành người trồng hoa.

4. Thành đã làm những gì khi đến thành phố A? (Khoanh vào chữ cái trước các ý đúng)

A. Làm thuê ở công trường xây dựng.

B. Mở cửa hàng dịch vụ trồng hoa.

C. Mở công ty chuyên lau rửa biển hiệu.

D. Làm dịch vụ chuyển hàng hoá.

5. Theo em, nhờ đâu công việc của Thành ngày một tốt lên? (Khoanh trước các ý đúng)

A. Nhờ chịu khó làm việc và dám đương đầu với thách thức.

B. Nhờ biết tìm kiếm và nắm bắt cơ hội.

C. Nhờ thích công việc trồng hoa.

D. Nhờ có nhiều vốn liếng.

6. Em học được bài học gì từ câu chuyện *Lựa chọn*?

7. Xếp các từ ngữ in đậm trong đoạn văn theo sắc độ từ nhạt đến đậm của màu xanh.

Rừng hôm nay như một ngày hội của màu xanh với nhiều góc độ đậm nhạt, dày mỏng khác nhau. Những lá còi non **mới thoáng một chút xanh** vừa ra khỏi màu nâu vàng. Những lá sưa mỏng tang và **xanh ròn** như một thứ lụa xanh ngọc thạch với những chùm hoa nhỏ li ti và trắng như những hạt mưa bay. Những chiếc lá ngoã non to như cái quạt lọc ánh sáng **xanh mờ mờ**. Tất cả những sắc non tơ ấy in trên nền **xanh sẫm đậm đặc** của tán những cây muỗm, cây vải, cây đa...

(Theo Ngô Quân Miện)

8. Đặt 3 câu miêu tả một loài vật có dùng từ *hoi, rất, lắm* kết hợp với tính từ.

9. Tìm từ ngữ thích hợp thay thế cho từ ngữ in đậm để có câu văn sinh động hơn.

Chim công đực có một chiếc đuôi **rất dài**, khi khép lại có màu vàng đồng ánh tím. Khi xoè ra, cái đuôi hiện lên như một chiếc quạt **rất to**, đầy màu sắc óng ánh rực rỡ và hài hoà như một bức tranh sơn mài tuyệt đẹp. Trên chiếc quạt đó đính **rất nhiều** viên ngọc quý hay vô số con mắt với những lớp màu khác nhau xếp theo hình những vòng tròn đồng tâm.

(Theo Ngân Hạnh)

10. Quan sát và ghi lại kết quả quan sát con vẹt.

a. Đặc điểm ngoại hình: kích thước, màu lông, cái mỏ, đôi chân,...

b. Hoạt động: ngủ, học nói, nhại tiếng người,...

ĐỀ 15

Đọc

NHỮNG ĐOÁ HỒNG BẠCH

Vào dịp sinh nhật tuổi 52, nhà văn An-đéc-xen tới nghỉ ngơi ở một nhà nghỉ vùng thôn quê. Cây cối trong vườn rất háo hức, đặc biệt là mấy chậu hồng nhung đặt trên bậc cửa sổ phòng An-đéc-xen, vì chúng biết ông rất thích hoa hồng. Nhưng khi được tin ông chỉ thích hoa hồng bạch thôi, những cây hồng nhung buồn lắm. Chúng ước gì được biến thành những khóm hồng bạch kiêu sa lộng lẫy nhất để tặng nhà văn.

Để giúp các bạn hồng nhung biến thành hồng bạch, cô gió tìm đến mụ phù thủy. Mụ cho biết, để đổi màu, hồng nhung phải uống một loại thuốc cực độc. Sau khi uống thuốc, thân cây sẽ quằn quại vì đau đớn, bỏng rát. Thuốc sẽ biến màu hoa đỏ thành trong suốt, không màu. Rồi hoa phải dầm mình trong băng giá suốt một đêm, hấp thu lấy màu trắng của băng tuyết để biến thành hồng bạch. Sau khi nở một tuần lễ, chúng sẽ bị khô giòn, vỡ vụn rồi biến mất. Nghe cô gió nói vậy, hồng nhung rất hoảng sợ nhưng cuối cùng vẫn đồng ý.

Sáng tinh mơ ngày sinh nhật, An-đéc-xen rất ngạc nhiên khi thấy tuyết rơi, mặc dù lúc này là tháng Tư, đang mùa xuân ấm áp. Mở cửa sổ ra, ông xúc động vô cùng khi thấy mấy chậu hồng bạch sáng lấp lánh trên bậc cửa sổ. Ông nhắc chúng vào nhà, đặt cạnh lò sưởi, lướt nhẹ bàn tay dịu dàng lên những bông hoa trắng ngần, tinh khiết. Ông hôn lên những cánh hoa thơm dịu nhẹ, thầm cảm ơn chúng đã đem lại niềm vui bất ngờ cho ông. Những đoá hồng bạch cũng run lên vì hạnh phúc. Chúng thấy những đau đớn, vất vả mình phải chịu không thấm thía gì so với việc được gần gũi An-đéc-xen và được dâng tặng ông niềm vui bất ngờ trong ngày đáng nhớ này.

(Theo Trần Hoài Dương)

An-đéc-xen (1805 – 1875): nhà văn Đan Mạch, được mệnh danh là “ông vua truyện cổ tích” với những tác phẩm nổi tiếng như Nàng tiên cá, Cô bé bán diêm, Vịt con xấu xí,...

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Mấy chậu hồng nhung ao ước điều gì khi biết An-đéc-xen chỉ thích hoa hồng bạch?

- A. Muốn rời khỏi bậc cửa sổ để vào phòng ông.
- B. Muốn biến thành những khóm hồng bạch kiêu sa.
- C. Muốn thay đổi sở thích của nhà văn.
- D. Muốn biến cây cối trong vườn thành hoa hồng bạch.

2 Hồng nhung phải trải qua những thử thách gì để đạt được ước mơ? (Khoanh vào chữ cái trước các ý đúng)

- A. Phải trải qua mùa xuân lạnh giá.
- B. Toàn thân đau đớn, bỏng rát.
- C. Phải dầm mình trong băng giá suốt một đêm.
- D. Bị khô giòn, vỡ vụn rồi biến mất sau một tuần.

3. Điều gì khiến nhà văn ngạc nhiên khi mở cửa sổ? (Khoanh vào chữ cái trước các ý đúng)

- A. Tuyết rơi giữa mùa xuân ấm áp.
- B. Những chậu hồng bạch sáng lấp lánh trên bậu cửa sổ.
- C. Những khóm hồng nhung chiều qua biến mất.
- D. Hương hoa hồng dịu nhẹ lan vào phòng.

4. Em có nhận xét gì về sự hi sinh của những khóm hồng nhung trong câu chuyện?

5. Dấu gạch ngang trong đoạn văn dưới đây có tác dụng gì?

Đang đọc truyện Tâm Cầm, bọn trẻ hỏi nhau:

- Bút có thật không nhỉ?
- Bây giờ không gặp nhưng hồi xưa chắc có.
- Hồi xưa là hồi nào?

- A. Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê
- B. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật
- C. Nối các từ ngữ trong một liên danh
- 6. Cần điền dấu câu nào vào các ô trống dưới

Một năm nay, hãng Hàng không Việt Nam đã có chuyến bay thẳng Việt Nam () Mỹ hoạt động song song với các chuyến bay quá cảnh Việt Nam () Thượng Hải () Mỹ, hoặc Việt Nam () Tô-ki-ô () Mỹ.

- A. Dấu phẩy
- B. Dấu gạch ngang
- C. Dấu chấm
- D. Dấu hai chấm

7. Khi thay thế dấu phẩy bằng dấu gạch ngang trong câu văn dưới đây thì đặt dấu gạch ngang ở vị trí nào?

Một số loài vật quý hiếm chỉ tìm thấy ở Việt Nam là: gà lôi đuôi trắng, voọc mặt đỏ, sao la, bò rừng xoăn.

- A. Ở giữa các cụm từ biểu thị tên loài vật.
- B. Ở đầu các cụm từ biểu thị tên loài vật và mỗi cụm từ đó đều phải đứng riêng một dòng.
- 8. Đọc đoạn văn dưới đây và thực hiện yêu cầu.

Cái bộ lông mèo mướp thực là dị kì. Nó vừa trắng màu lụa, vừa xám màu tro lại vừa đen xiu. Khắp mình, ba màu ấy trộn lẫn với nhau, mà trộn rất nhỏ, hoà hợp lại thành một màu đặc biệt như màu cái chăn dạ của các chú lính tập. Chỉ ở dưới bụng mới có một mảng lông trắng mềm mềm. Màu mướp ấy trông bản, vì đen ngòm ngòm, nhưng chính ra sạch lắm. Nó sạm như đất, mà không phải là có đất bám. Nó lại mờ mịn như có tro là chỗ ngủ tốt nhất của loài mèo – mà thực ra cái bờm lông xấu xí đó chẳng vẩn một chút bụi tro.

(Tô Hoài)

a. Cho biết nội dung của đoạn.

- A. Tả mèo mướp.
- B. Tả bộ lông của mèo mướp.

C. Tả màu sắc bộ lông mèo mướp.

D. Tả chỗ ngủ của mèo mướp.

b. Viết đoạn văn miêu tả hoạt động của con mèo (ngồi, vươn vai, đi lại, đùa nghịch, lắng nghe tiếng động,..) với câu mở đầu: "Chú mèo ngồi ngoài hiên ngắm trời, ngắm đất."

Đề 16

Đọc

NIỀM TIN CHIẾN THẮNG

Trong giải thi đấu bóng bàn của trường, Hạnh đã lọt vào vòng chung kết. Chớp mắt, ngày mai đã là trận cuối. Hạnh có phần lo lắng trong lòng. Mẹ thấy vậy hỏi:

- Con gái, sao con căng thẳng thế? Con cứ thi đấu như mọi lần, mẹ tin là con làm được.

- Nhưng mẹ ơi, đối thủ lần này đã chiến thắng bạn Minh, mà Minh thì đã từng hạ gục con. Con không biết có thắng nổi bạn ấy không nữa.

Sau vài giây suy nghĩ, mẹ bảo:

- Con có muốn giành chiến thắng trong trận chung kết không?

Hạnh gật đầu:

- Đương nhiên rồi ạ. Nhưng con không có đủ tự tin, con phải làm sao?

Mẹ nháy mắt nói với Hạnh bằng một giọng tự tin.

- Mẹ có một cách, đảm bảo con sẽ chiến thắng. Nhưng nhất định con phải làm theo lời mẹ.

- Thật ạ?

- Con hãy nhớ lại tất cả các trận đấu mà con đã thắng và cảm nhận lại niềm vui chiến thắng.

- Đơn giản vậy thôi sao?

- Đúng thế, chỉ đơn giản vậy thôi. Con thử làm đi.

Nhắm mắt lại, Hạnh hồi tưởng lại những trận đấu nảy lửa mà em đã trải qua và giành chiến thắng. Một cảm giác tuyệt vời khiến toàn thân cô bé trở nên nhẹ nhõm, thoải mái.

Ngày hôm sau, Hạnh đến bên bàn thi đấu với một phong thái tự tin và nhanh chóng thắng cuộc. Vui mừng khôn xiết, Hạnh chạy xuống hàng ghế khán giả, ôm chầm lấy mẹ: "Cảm ơn mẹ, cách của mẹ thật tuyệt vời!".

(Theo Những câu chuyện bồi dưỡng chỉ số thông minh IQ)

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Vì sao Hạnh cảm thấy lo lắng trước trận chung kết bóng bàn?

- A. Vì kém tự tin trước đối thủ.
- B. Vì đây là trận đấu quyết định.
- C. Vì chưa biết rõ đối thủ.
- D. Vì thấy mẹ chưa quan tâm.

2. Sau khi thực hiện lời khuyên của mẹ, Hạnh cảm thấy thế nào?

3. Những từ ngữ nào miêu tả Hạnh trong cuộc thi ngày hôm sau? (Khoanh vào chữ cái trước các ý đúng)

- A. phong thái tự tin
- B. nhanh chóng thắng cuộc
- C. vui mừng khôn xiết

D. ôm chầm lấy mẹ

E. cảm ơn khán giả

4. Theo em, "bí kíp" của mẹ có tác động như thế nào đến Hạnh?

5. Công dụng của các dấu gạch ngang được sử dụng trong truyện niềm tin chiến là gì?

A. Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.

B. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

C. Nối các từ ngữ trong một liên danh.

6 Dấu câu nào thích hợp với ô trống trong đoạn văn dưới đây?

Tôi tiếc mình không phải là nhà thông thái. Nếu không, tôi sẽ soạn một cuốn từ điển “Trẻ con () Người lớn” giống như từ điển “Anh () Việt” hay “Pháp () Việt” vậy.

Đại khái nó sẽ như thế này:

() Mẹ ơi, con nhức đầu. (Có nghĩa: Mẹ ơi, con muốn nghỉ học sáng nay.)

() Mẹ ơi, hôm nay tháng mấy rồi? (Có nghĩa: Mẹ ơi, sắp đến sinh nhật con rồi đó.)

(Theo Nguyễn Nhật Ánh)

7. Viết đoạn văn liệt kê các đồ dùng học tập của em, trong đó có sử dụng dấu gạch ngang.

8. Viết bài văn miêu tả con vật mà em gặp ngoài đời hoặc quan sát trên phim ảnh.

G: Tìm hiểu điểm khác biệt giữa việc miêu tả một con vật mà em gặp ngoài đời với việc miêu tả một con vật em quan sát trên phim ảnh.

– Em có thể quan sát trực tiếp con vật đó không?

- Em có thể chạm vào con vật đó để cảm nhận các cảm giác và thể hiện tình cảm không?

– Em có thể nói về những việc em làm với con vật nào không?

Đề 17

Đọc

NGƯỜI PHÁT MINH RA TÀU THUYẾT

Rô-bốt Phun-ton là một kĩ sư người Mỹ đã phát minh ra tàu thuyết chạy bằng hơi nước. Ngay từ hồi còn nhỏ, vốn đam mê kĩ thuật, ông thường tự nêu lên các thắc mắc và tìm cách giải quyết bằng được mới thôi.

Năm 13 tuổi, một lần chèo thuyền đi câu cá với bạn, cậu bé Phun-ton thấy công việc chèo thuyền thật vất vả, nhất là khi ngược gió. Cậu nói:

– Nếu có thể có cái gì đó làm thay việc chèo thuyền thì hay biết mấy!

Bạn cậu cười:

– Xem kia! Hàng trăm năm nay con người vẫn chèo thuyền đẩy thôi, muốn thay đổi e là quá khó.

Những lời nói đó không những không làm cậu nản lòng, ngược lại càng kích thích cậu tìm tòi, suy nghĩ. Ngày hôm sau, cậu lại ra sông chơi, ngồi trên con thuyền nhỏ, vừa suy nghĩ vừa thả chân xuống nước đập qua đập lại, không ngờ con thuyền trôi được một đoạn khá xa. Ngạc nhiên quá, cậu liền bắt tay vào việc nghiên cứu chế tạo ra máy móc thay cho hai chân đẩy thuyền đi.

Mười ngày sau, cậu bé đã chế tạo ra một món đồ chơi rất kì lạ. Đó là hai bánh xe đập nước có hình dáng giống cái cối xay gió được gắn với một động cơ điện. Cậu nối món đồ ấy vào đuôi thuyền, dùng tay quay mấy cái, lập tức nó phát ra âm thanh "bru bru bru...". Mặt nước gợn sóng đẩy con thuyền tự động tiến về phía trước, nhanh hơn chèo bằng sào. Mọi người đổ ra xem và tranh nhau ngồi thử.

Liên tục cải tiến phát minh của mình, đến năm 43 tuổi, Phun-ton đã chế tạo ra con tàu sử dụng động cơ hơi nước đầu tiên trên thế giới.

(Theo 100 câu chuyện hay dành cho bé trai)

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Các ý nào dưới đây nhận định đúng về Rô-bốt Phun-ton?

- A. Là người phát minh ra tàu thuyết
- B. Từ nhỏ đã đam mê kĩ thuật
- C. Thường tự nêu thắc mắc và tìm cách giải quyết
- D. Chưa từng là kĩ sư

2. Cậu bé Phun-ton có ý tưởng gì khi đi câu cá?

- A. Chế tạo ra máy móc làm thay con người việc chèo thuyền.
- B. Chế tạo ra cối xay gió.
- C. Cải tiến các động cơ điện.
- D. Chèo thuyền bằng sào.

3. Hành động nào giúp cậu tìm ra giải pháp?

- A. Ngồi trên thuyền thả chân xuống nước đập qua đập lại.

- B. Ngày ngày ra sông ngắm những con thuyền qua lại.
 C. Tranh luận với bạn về khả năng thực hiện ý tưởng.
 D. Để cho thuyền câu tự trôi trên sông.
4. Sản phẩm đầu tiên cậu chế tạo ra được gọi là gì?
 A. Hai bánh xe đạp nước B. Cối xay gió chạy bằng nước
6. Từ nào không cùng loại trong mỗi nhóm từ dưới đây?
 C. Động cơ điện chạy bằng nước
 D. Món đồ chơi kì lạ
5. Phun-tơn mất bao lâu để hoàn thiện phát minh của mình?
 A. 10 ngày
 B. 13 năm
 C. 43 năm
 D. 30 năm
6. Từ nào không cùng loại trong mỗi nhóm từ dưới đây?

Danh từ	Động từ	Tính từ
kỹ sư, tàu thủy, kỹ thuật, cá, thuyền, gió, sông, đầy, chân	giải quyết, câu (cá), chèo, suy nghĩ, trôi, nghiên cứu, động cơ, chế tạo	vắt vã, nhỏ, xa, kì lạ, thay thế, khó, nhanh

7. Chọn từ ngữ phù hợp để hoàn thiện đoạn văn.

a. (đu đưa, thiếp đi, quấy sóng, bay đi bay lại, lướt đi)

Cánh võng (1) cho tôi ngọn gió mát trong ngôi nhà bé nhỏ. Ngày xưa mẹ bỗng tôi ngủ trên cánh võng này. Tôi (2) trong nhịp võng. Mẹ cũng ngủ, nhưng một chân “mộng du” thỉnh thoảng lại đạp xuống đất như mái chèo (3) cho võng đu đưa. Cánh võng là con thuyền cựa của tôi. Nó cho tôi (4) bỗng bênh mà không cần sóng nước. Chiếc võng là đôi cánh của tôi. Cho tôi (5) mà không cần bầu trời.

(Theo Nguyễn Phan Hách)

b. (mạnh mẽ, cô độc, cao cao mãi, cao nhất)

Đại bàng là loài chim lớn, có khát vọng sống (1) vì vậy được con người ngưỡng mộ rồi lấy làm biểu tượng cho hoài bão, ý chí, quyết tâm. Đại bàng thường sống (2), một mình làm chúa một đỉnh núi cao, bay liệng săn mồi ở trên tầng mây (3) khiến các loài chim khác đều phải nể sợ. Đại bàng rất thích bay trong gió bão. Sức mạnh của cơn bão sẽ nâng đôi cánh đại bàng bay (4) lên bầu trời.

8. Đặt 2 câu tả hoạt động của một con vật, trong đó sử dụng đủ danh từ, động từ, tính từ.

9. Viết thư trao đổi với bạn về ước mơ của em.

G: - Trình bày bức thư đúng với hướng dẫn ở trang 134, Tiếng Việt 4, tập một.

– Nội dung thư tập trung vào việc nói với bạn về mơ ước của em (Mơ ước của em là gì?

Vì sao em có mơ ước đó? Mơ ước đó đem lại điều tốt đẹp gì?).

– Có thể hỏi thêm về ước mơ của bạn.

ĐỀ 18

Đọc

MỘT NGÀY VÀ MỘT NĂM

Một ngày nọ, một thanh niên đến gặp Men-gien, một họa sĩ nổi tiếng người Đức. Sau vài lời hỏi thăm, chàng trai dè dặt nói:

- Thưa ngài, có một vấn đề tôi cứ băn khoăn mãi, mong được ngài chỉ bảo.

- Cậu nói đi xem nào. – Men-gien khích lệ.

– Tôi có thể vẽ được một bức tranh trong vòng một ngày, tự thấy chất lượng cũng không tồi, nhưng phải mất cả năm để bán nó. Điều này khiến tôi rất khổ tâm. Vậy tôi phải làm sao?

– Ra là thế! – Men-gien ngẫm nghĩ rồi nói – Bây giờ, cậu thử làm ngược lại, hãy vẽ một bức tranh trong một năm xem sao, đợi đến khi không còn gì cần sửa chữa nữa hãy mang đi bán.

Người thanh niên vâng lời. Anh không còn sốt ruột như trước mà luôn tỉ mỉ quan sát, phác thảo trong đầu thật cẩn thận rồi mới vẽ vào giấy. Trong khi vẽ, nếu nhận ra nét bút không có thần, anh lập tức bỏ bức tranh không đề dự. Lúc nào bản thân không có cảm hứng, anh tạm thời ngừng vẽ, thay vào đó là rèn luyện các kỹ năng cơ bản hoặc học hỏi cách vẽ của các nghệ sĩ nổi tiếng. Đợi đến khi cảm hứng quay lại, anh mới vẽ tiếp.

Trong vòng một năm, anh chỉ vẽ một bức tranh, nhưng kỹ thuật đã tiến bộ vượt bậc. Lúc anh trưng bày bức tranh đó, mọi người đều khen ngợi. Chưa đầy một ngày mà đã có nhiều người muốn bỏ ra một khoản tiền lớn để mua bức tranh về. Chẳng bao lâu sau, anh đã trở thành một họa sĩ nổi tiếng.

(Theo 100 câu chuyện hay dành cho bé trai)

Trả lời câu hỏi và làm bài tập

1. Anh thanh niên tỏ lộ băn khoăn ai với họa sĩ Men-gien

- A. Vì sao anh vẽ tranh chỉ mất một ngày nhưng lại mất một năm để bán?
- B. Có phải vì tranh của anh không đẹp nên khó bán?
- C. Vì sao tranh của anh không tồi mà vẫn khó bán?
- D. Vì sao anh mất cả năm để hoàn thành một bức tranh?

2. Lời khuyên của họa sĩ là gì?

- A. Hãy chờ đợi cơ hội.
- B. Hãy sửa tranh khi được góp ý.
- C. Hãy vẽ một bức tranh trong một năm.
- D. Hãy cố gắng bán tranh trong một ngày.

3. Chàng trai đã thực hiện lời khuyên như thế nào?

- Trước khi vẽ
- Trong khi vẽ

4. Những nguyên nhân nào khiến cho anh thanh niên trở thành họa sĩ nổi tiếng?

- A. Luôn rèn luyện các kĩ năng.
B. Biết học hỏi cách vẽ của các họa sĩ nổi tiếng.
C. Biết đề cao cảm hứng sáng tạo.
D. Biết trưng bày, quảng cáo sản phẩm.
5. Tìm các từ ngữ trong bài đọc theo yêu cầu dưới đây:
- a. 2 danh từ riêng
b. 3 danh từ chung chỉ người
c. 5 động từ
d. 2 tính từ chỉ đặc điểm của sự vật
e. 2 tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động
6. Xếp các tính từ dưới đây vào nhóm phù hợp.
(mắn mẫn, mẫn chất, vàng rực, vàng nhạt, nặng nề, nặng trĩu)
- Chỉ tính chất tăng lên
 - Chỉ tính chất giảm đi
7. Đọc bài thơ dưới đây và thực hiện yêu cầu.

BUỔI SÁNG NHÀ EM

Ông trời nổi lửa đằng đông
Bà sân vốn chiếc khăn hồng đẹp thay
Bố em xách điếu đi cày
Mẹ em tát nước, nắng đầy trong khâu
Cậu mèo đã dậy từ lâu
Cái tay rửa mặt, cái đầu nghiêng nghiêng
Mụ gà cục tác như điện
Làm thẳng gà trống huyên thuyên một hồi
Cái na đã tỉnh giấc rồi
Đàn chuối đứng vỗ tay cười, vui sao!
Chị tre chải tóc bên ao
Nàng mây áo trắng ghé vào soi gương
Bác nôi đồng hát bùng boong
Bà chổi loẹt quẹt lom khom trong nhà.
(Trần Đăng Khoa)

- a. Tìm các sự vật, hiện tượng được nhân hoá trong bài thơ.
b. Cho biết mỗi sự vật, hiện tượng đó được nhân hoá bằng cách nào dưới đây:
- (1) Dùng từ ngữ chỉ
(2) Gọi sự vật bằng những từ chỉ người hoạt động, đặc điểm của người để tả vật
(3) Trò chuyện với vật như với người
8. Viết hướng dẫn vẽ một biểu cảm khuôn mặt, trong đó có sử dụng dấu gạch ngang.
9. Dấu câu nào thích hợp với số (1), dấu câu nào thích hợp với số (2) trong đoạn văn dưới đây?

Miu Miu phát hiện giò phong lan đoản kiếm dưới gốc mít đang vươn ra hai cái nhánh đầy nụ nhỏ. Nó hỏi:

(1) Chủ đoản kiếm ơi, chủ có hai nhánh hoa đầy phải không (2)

Giò phong lan rung rung trong gió:

(1) Đúng vậy, mỗi năm chủ chỉ ra hoa một lần vào mùa mưa.

(1) Những nụ hoa nào của chủ được nở thế (2)

(1) Tất cả những nụ hoa của chủ đều nở vì chúng đều khoẻ mạnh và luôn vui vẻ.

(Theo Nguyễn Thái Hải)

10. Từ câu chuyện Một ngày và một năm, em hãy tưởng tượng và viết đoạn văn kể lại cuộc gặp gỡ giữa họa sĩ Men-gien và anh thanh niên trong buổi trưng bày tranh sau một năm.

G: - Bức tranh đó vẽ gì?

- Họa sĩ Men-gien xem tranh với thái độ như thế nào?

– Thuật lại cuộc trò chuyện giữa họa sĩ Men-gien và anh thanh niên.

Phần hai

HƯỚNG DẪN, ĐÁP ÁN MỘT SỐ BÀI TẬP

ĐỀ 1

1. B; 2. a. S (sửa: Tinh Ý cho rằng con suối khiến cho việc sang nhà nhau không thuận tiện), b: S (sửa: Lơ Mơ cho rằng có suối ngăn cách, khó đi, nhớ nhau nhiều hơn, vượt khó sang nhau chơi mới là bạn tốt.); 3. B; 4. Lơ Mơ không hề “lơ mơ”, trái lại rất chín chắn; 5. Vì Tinh Ý cảm thấy ngượng với Lơ Mơ về những hiểu biết của bạn. 6. Tuỳ chọn theo suy nghĩ cá nhân, song cố gắng giải thích lí Đề em chọn. 7. lần lượt điền: chỉ người: cậu bé, mẹ, con; chỉ vật: chim sâu, cửa sổ, nền nhà, trời, hộp, tay; kiến, lửa, cá chuối, ao, nước, đáy ao; chỉ thời gian: chiều, sáng, hôm sau, trưa; chỉ hiện tượng tự nhiên: dông bão, mây. 8. Ví dụ: Tinh Ý ơi, cậu chẳng tinh ý gì cả!/ Tinh Ý cảm thấy ngượng với Lơ Mơ, vì Lơ Mơ lại tinh ý hơn mình nên ngỏ ý đổi tên cho bạn. 9. Câu: Hơn thế, có chuyện này khiến Tinh Ý lại bất ngờ thêm. 10. Ví dụ: Nghe Lơ Mơ giảng giải, Tinh Ý thật sự bất ngờ về lí lẽ của bạn./ Thật thú vị: gọi là Lơ Mơ mà chẳng lơ mơ tí nào.

ĐỀ 2

1. A; 2. C; 3. A; 4. Kiểm giúp cho con người chống lại kẻ thù, tránh được các hiểm hoạ để giữ gìn cuộc sống bình yên. Hoa hồng thì tô điểm cho cuộc sống của con người thêm tươi đẹp, đem lại hương thơm, sự ngọt ngào, niềm vui sướng, sự lãng mạn cho cuộc sống và trái tim của họ; 5. Em tự nêu ý kiến cá nhân của mình và nói rõ lí do. 6. B. 7. Danh từ chung: bản, cậu bé, tên, đứa con suối; quen nội, thị trấn, huyện, tỉnh, quê ngoại; làng, phủ, phường, quận, gia đình, thợ, thủ công; danh từ riêng: (bản) Mây Bay, Tinh Ý, Lơ Mơ, (suối) Ngàn Xa, Tô Hoài, Nguyễn Sen, (thị trấn) Kim Bài, (huyện) Thanh Oai, (tỉnh) Hà Đông, Hà Nội, (làng) Nghĩa Đô, (huyện) Từ Liêm, (phủ) Hoài Đức, (phường) Nghĩa Đô, (quận) Cầu Giấy. 8. Ví dụ: a. máy bay, tàu thuỷ, tàu hoả; b. sóng thần, động đất, mưa đá; c. (sông) Hồng, (sông) Cửu Long.

ĐỀ 3

1. D; 2. Bị 3. A; 4. A; 5. Bị 6. Em tự nêu ý kiến cá nhân của mình và nói rõ lí do, chẳng hạn: Ghen-ca chủ động mang chăn và rủ Pê-tơ-rích đắp chung với mình. Vì chính Pê-tơ-rích cũng chưa có người ghép đôi để mang chăn đắp chung. 7. a. danh từ riêng chỉ người: (Thánh) Gióng; b. danh từ chung chỉ người: cháu, bà; c. danh từ chỉ sự vật: hồ, mực, ngọn, trời, phở, biển, tóc, rạ; d. danh từ riêng chỉ địa danh: Hà Nội, Hồ Gươm, Tháp Bút, (làng) Phù Đồng, (biển) Sầm Sơn; danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên: mây, sóng, băng, tuyết, sương mù, sương giá. 8. Ví dụ: Nhân vật Thánh Gióng đã để lại cho em nhiều ấn tượng sâu sắc. Về nhà, em sẽ đọc truyện Thánh Gióng cho bà nghe. Sau đó bà kể chuyện Lê Lợi trả kiếm cho rùa vàng ở Hồ Gươm cho em nghe,...

ĐỀ 4

1. bác gà trống chăm chỉ dậy sớm; ả vịt lấm điều; chàng chó vận khó tính; mẹ heo lười nhác; thầy đồ cóc đạo mạo, nhận mình là nhà thơ; 2. D. 3. D. 4. D. 5. B. 6. Ví dụ: Cần biết đoàn kết để xây dựng cộng đồng./ Cần biết tôn trọng sự khác biệt để chung sống hoà bình với nhau. 7. Chỉ sự vật: núi, ngọn, chim, rừng, cỏ, làng, suối; chỉ hiện tượng tự nhiên: mây; danh từ riêng: (làng) Giáy, (suối) Lùng Thẳng. 8. Tên người: Uyn-xton Súc-sin, A-lếch-xan-đrô Flem-minh; tên địa danh: (biển) Đông, (nước) Anh, (nước) Mỹ, Hoàng Sa, Cà Mau, Lạng Sơn. 9. Lần lượt: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Huế, Cần Thơ, Sầm Sơn, vịnh Hà Long, Hồ Tây, sông Cửu Long, dãy Trường Sơn, Hoàng Sa, Trường Sa.

ĐỀ 5

1. D. 2. Vì chim anh nở trước. 3. A. 4. các ý B, C, D. 5. B. 6. Tùy chọn theo suy nghĩ của em. 7. Động từ: sống, nhìn, hỏi, nói, bảo, múc, nghe, tranh cãi, xỏ, hiểu, biết. 8. lần lượt: đồ, bơi, lặn, đói, nằm. 9. ví dụ: Chim khuyên non bị ngã xuống vực. Nó thấy cảm thấy hối hận vì đã tự ý rời tổ để tập bay trong lúc mẹ nó đi vắng.

ĐỀ 6

1. A. 2. A. 3. A. 4. D. 5. A. 6. Tùy chọn A, hoặc B, hoặc D. 7. a. nằm, chờ, mọc, khao khát, bay, ngắm, nhìn, nở, diu, rời, nghe, kể, rộn; b. đứng, rũ, định, bay, về, buồn, bốc, rơi, rên rỉ, nhảy, chuyển, sợ, vội, chui, chờ, ngủ, biết. 8. Lần lượt: a. đi, thương/ thương yêu/ yêu mến, quan sát/ngắm nghía/ nhìn, nói/ giảng giải/ giới thiệu; b. khoét/ đào, lọt/ luồn, tóm/ phát hiện, chén/ tọng, nở/ trương, quay về/ uè, chui/ luồn. 9. Ví dụ: Hằng ngày, Sơn đi học bằng xe máy với thầy Văn. Ngồi sau thầy, Sơn vui sướng ngắm nhìn cảnh vật hai bên đường.

ĐỀ 7

1. A. 2. B. 3. C. 4. A. 5. Vừa bảo vệ được môi trường, vừa khai thác được nguồn tài nguyên từ rác; vì một số rác như sắt, đồng, nhôm, nhựa, giấy,... có thể tận dụng tái chế sử dụng phục vụ sản xuất, hoặc để tái sử dụng trong sinh hoạt,... 6. a. hớn hờ, dỗi hờn, buồn thiu thiu, ỉu xiu; b. ngỡ ngàng, hớn hờ; c. xuýt xoa, nức nở, thương. 7. Có thể lần lượt chọn: chiếu/toà, nhảy nhót/tung tăng, chiếu xuống/ rơi xuống, khoe sắc/nở rộ, tràn/chiếu, đầy/chan chứa, ấp/làm, chạy/chiếu, tắm/phủ, tràn qua/chui qua, trêu/uòn/chọc ghẹo, nằm li/thiu thiu. 8. Ví dụ: Na rất thương bạn nhỏ mồ côi mẹ. Bác lớn tuổi cũng cảm nhận được tình cảm ấm áp của bé Na dành cho cậu bé.

ĐỀ 8

1. A; 2. B; 3. (1) – c, e (2) – a, b, d, g; 4. Ví dụ: Đồng ý vì cua con giúp bọ ăn mỳ vượt qua truy đuổi của cá trê, cá chép; chị gió giúp bọ ăn mỳ nhận ra mình là chuồn chuồn ớt và dạy cách bay; 5. Ví dụ: a. chuồn chuồn ớt, có đôi cánh mỏng và thân hình màu đỏ tươi; b. bọ ăn mỳ, bộ áo giáp thân đốt; 6. thám hiểm, thăm thú, thắng cảnh, thênh thang, thung lũng; 7. a. Đọc lướt xuống dưới; b. Đọc lướt xuống dưới; c. Đọc lướt lên trên.

ĐỀ 9

1. B; 2. A; 3. Bị 4. C; 5. C; 6. Danh từ chung chỉ người: ông, người, trạng cò; Danh từ chung chỉ sự vật: huyện, tỉnh, phố, cửa nhà, biển, nước cò, bãi; Danh từ riêng chỉ người: Mạc Đĩnh Chi, Trần Anh Tông, Trần Minh Tông, Trần Hiền Tông, Trần Dụ Tông; Danh từ riêng chỉ tên địa lí: Chí Linh, Hải Dương, Trung Quốc, Yên Kinh; 7. B.

ĐỀ 10

1. A; 2. B; 3. Bị 4. C; 5. Bị 6. Từ ngữ gọi tên sự vật như gọi người: chị, anh; Từ ngữ dùng để tả sự vật như tả người: quét (nhà), nhảy (ra), sẵn sàng, hót (rác); 7. a. xếp hàng; b. đua nhau; c. nhảy nhót; d. bồn chồn; e. dịu dàng.

ĐỀ 11

1. B; 2. C; 3. A; 4. B; 5. Chứng minh được không phải mọi vật thể ngoài vũ trụ đều quay quanh trái đất. 6. Các sự vật được nhân hoá: chim chích, sen; Cách nhân hoá: chim chích choè được gọi bằng "anh", được tả bằng các từ ngữ "ngẩn ngơ, mừng rơn, ngủ trọ"; "sen" được tả bằng từ ngữ "mở cửa"; 7. anh - những chị – các bé.

ĐỀ 12

1. C; 2. các ý A, B, C; 3. B; 5. A, B, C, D; 6. a. phẳng, mịn, gắn kết bền chắc tự nhiên; b. siêu nhẹ, mềm mại và ấm áp; 7. Từ chỉ đặc điểm của sự vật: dịu dàng, thoang thoảng, dịu, ngọt, lắng sâu, cứng rắn, vững chãi, mảnh dẻ, thướt tha; Từ chỉ đặc điểm của hoạt động: mạnh, nhịp nhàng, xào xạc. 8. Ví dụ: a. (1) tròn vành vạnh, (2) lững lờ, (3) quang đãng; b. (1) râm ran, (2) nhỏ xíu, (3) riu riu; c. (1) đỉnh đạc, (2) phành phạch, (3) uang lừng.

ĐỀ 13

1. B; 2. A; 4. B; 5. A; 7. Đặc điểm của sa mạc: nóng như thiêu như đốt; Tốc độ chạy của ngựa: nhanh; Hình dáng con dao: cong; Âm thanh mà con dao tạo ra: loảng xoảng; Tính chất của quá trình huấn luyện ngựa: khắc nghiệt; 8. a. Các tính từ miêu tả tiếng mưa trong đoạn 1: lộp độp, lùng tùng, rào rào; b. Các tính từ miêu tả đặc điểm cơn mưa trong đoạn 2: đều đều, không to lắm, lai rai, nhỏ nhẹ. c. Đặt tên Mưa rào (đoạn 1); Mưa dầm (đoạn 2).

ĐỀ 14

1. A; 2. Các ý A, B, C; 3. C; 4. Các ý A, B, C; 5. Các ý A, B; 7. mới thoảng một chút xanh – xanh mờ mờ – xanh ròn - xanh sẫm đậm đặc; 9. Ví dụ: dài lướt thướt, không lồ, hàng trăm.

ĐỀ 15

1. B; 2. Các ý B, C, D; 3. Các ý A, B; 5. B; 7. B; 8. B.

ĐỀ 1

1. A; 3. Các ý A, B, C, D; 5. Bị 6. Dấu gạch ngang.

ĐỀ 17

1. Các ý A, B, C; 2. A; 3. A; 4. A; 5. D; 6. đẩy, động cơ, thay thế, 7. a. (1) đu đưa, (2) thiếp đi, (3) quấy sóng; (4) lướt đi; (5) bay đi bay lại; b. (1) mạnh mẽ; (2) cô độc; (3) cao nhất; (4) cao cao mãi.

ĐỀ 18

1. A; 2. C; 4. Các ý A, B, C; 5. Ví dụ: a. 2 danh từ riêng: Men-gien, Đức; b. 3 danh từ chung chỉ người: thanh niên, họa sĩ, nghệ sĩ; c. 5 động từ: hỏi thăm, nói, vẽ trưng bày, bỏ; d. 2 tính từ chỉ đặc điểm của sự vật: tồi, nổi tiếng; e. 2 tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động: tỉ mỉ, cẩn thận; 6. Chỉ tính chất tăng lên: mặn chát, vàng rực, nặng trĩu; Chỉ tính chất giảm đi: mằn mặn, vàng nhạt, nặng nề; 7. a. Các sự vật, hiện tượng được nhân hoá trong bài thơ: trời, sân, mèo, gà mái, gà trống, na, chuối, tre, mây, nồi đồng, chổi; b. Các sự vật hiện tượng đó được nhân hoá bằng cách: gọi sự vật bằng những từ chỉ người và dùng từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để tả vật; 9. (1) Dấu gạch ngang; (2) Dấu chấm hỏi.